**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**



**TÀI LIỆU KHAI THÁC SÂN BAY**

**CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI**

**(Ban hành kèm theo văn bản số /CHK-QLC**

**ngày …/.../2019 của Cục Hàng không Việt Nam)**



**Mã số: \_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tháng \_\_-2019**

# MỤC LỤC

MỤC LỤC 2

DANH SÁCH PHÂN PHỐI TÀI LIỆU 5

TRANG GHI NHẬN CÁC TU CHỈNH 7

DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN 8

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT 9

CHƯƠNG I 14

QUY ĐỊNH CHUNG 14

1. Mục đích, yêu cầu và phạm vi áp dụng của Tài liệu khai thác sân bay 14

2. Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn 16

3. Quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu 20

4. Các điều kiện chung để khai thác sân bay 21

5. Hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các thủ tục thông báo 22

6. Hệ thống thống kê hoạt động cất hạ cánh của tàu bay tại Cảng HKQT Cát Bi 23

7. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi 24

CHƯƠNG II 27

THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI 27

1. Tên cảng hàng không, sân bay 27

2. Vị trí cảng hàng không quốc tế Cát Bi~~, sân bay~~: 27

3. Tọa độ điểm quy chiếu sân bay (Theo hệ WGS-84). 27

4. Mức cao sân bay và địa thế Cảng HKQT Cát Bi 28

5. Cấp cứu hỏa sân bay 28

6. Nhiệt độ tham chiếu tại Cảng HKQT Cát Bi: 28

7. Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (24/24 giờ) của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi 29

8. Các loại bản đồ, sơ đồ: 29

9. Các chi tiết quyền sử dụng đất Cảng HKQT Cát Bi 31

CHƯƠNG III 32

CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ 32

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI 32

1. Đường cất hạ cánh 32

2. Đường lăn 36

3. Sân đỗ 39

4. Đài kiểm soát không lưu Cát Bi và các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu khác 43

5. Thông tin về các thiết bị phù trợ dẫn đường 47

6. Vị trí của các điểm kiểm tra đài VOR tại sân và tần số vô tuyến: 53

7. Vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất 53

8. Vị trí và cao độ các điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay 55

9. Hệ thống đường giao thông trong khu bay 55

10. Hạ tầng bảo vệ môi trường 58

11. Hạ tầng tra nạp nhiên liệu ngầm cho tàu bay 58

12. Hệ thống cấp điện trong khu bay 59

13. Hệ thống cấp, thoát nước trong khu bay 59

14. Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không 60

15. Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại Cảng HKQT Cát Bi 63

16. Hệ thống chiếu sáng 65

17. Các dịch vụ hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi 66

18. Các thông tin đặc biệt cần lưu ý 74

19. Danh mục không đáp ứng 75

CHƯƠNG IV 77

QUY TRÌNH VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN KHAI THÁC TRONG KHU BAY 77

1. Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay 77

2. Quy trình bảo đảm an ninh 79

3. Kế hoạch khẩn nguy sân bay 79

4. Kiểm tra bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong sân bay 79

5. Quy trình kiểm tra kết cấu hạ tầng sân bay 81

6. Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay 82

7. An toàn thi công xây dựng 85

8. Quản lý sân đỗ tàu bay 87

9. Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ 90

10. Quy định về kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay: 97

11. Quản lý các nguy cơ gây mất an toàn do chim, động vật hoang dã và vật nuôi gây ra 103

12. Quản lý chướng ngại vật hàng không 108

13. Di chuyển tàu bay hư hỏng 110

14. Quản lý vật phẩm nguy hiểm 117

15. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế 120

16. Đảm bảo hoạt động của các thiết bị dẫn đường 120

17. Khí tượng hàng không 121

18. Quản lý môi trường tại Cảng HKQT Cát Bi 125

19. Báo cáo tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác Cảng HKQT Cát Bi 129

CHƯƠNG V 130

TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI 130

1. Tổ chức hành chính của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi 130

2 Hệ thống quản lý an toàn 139

PHỤ LỤC 1A 140

KẾ HOẠCH KHẨN NGUY 140

PHỤ LỤC 1B 140

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CẢNG HKQT CÁT BI (SMS) 140

# DANH SÁCH PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị, cá nhân sử dụng tài liệu** | **Số lượng*****(Quyển)*** | **Mã số** |
| **1** | **Cục Hàng không Việt Nam** | 05 | 01 |
| **2** | **Cảng vụ hàng không miền Bắc** | 01 | 02.01 |
| 4 | Đại diện Cảng vụ Miền Bắc tại Cát Bi | 01 | 02.02 |
| 5 | Đội nghiệp vụ Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng – Khu vực 3 | 01 | 02.03 |
| 6 | Trạm công an cửa khẩu – Công an TP. Hải Phòng | 01 | 02.04 |
| 7 | Kiểm dịch Y tế Quốc tế Hải Phòng | 01 | 02.05 |
| **8** | **Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam** | 01 | 03 |
| **9** | **Cảng hàng không quốc tế Cát Bi** | 01 | 04 |
| **~~10~~** | **~~Công ty Quản lý bay miền Bắc~~** | ~~01~~ | ~~05~~ |
| 12 | Đại diện Hãng hàng không Vietnam Airlines | 01 | 06.01 |
| 13 | Đại diện Hãng hàng không Vietjet Air | 01 | 06.02 |
| 14 | Đại diện Hãng hàng không Jetstar Pacific Airlines | 01 | 06.03 |
| 15 | Đài KSKL Cát Bi | 01 | 06.04 |
| 16 | Tổ bảo dưỡng kỹ thuật ngoại trường VietJet Air | 01 | 06.05 |
| 17 | Chi nhánh VietJet Air Cargo tại Hải Phòng | 01 | 06.06 |
| 18 | Chi nhánh Cổ phần suất ăn hàng không VINACS | 01 | 06.07 |
| 20 | Tổ kỹ thuật - Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay | 01 | 07.01 |
| 21 | ~~Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay –~~ Đài DVOR/DME | 01 | 07.02 |
| 22 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam tại Hải Phòng  | 01 | 07.03 |
| 23 | Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex - Chi nhánh tại Cát Bi | 01 | 07.04 |
|  | **Đại diện đơn vị không quân hoạt động tại Cảng HKQT Cát Bi** | 01 | 08 |
|  | **Dự phòng** | 05 | 09 |
|  | **TỔNG CỘNG** | **30** |  |

**TRANG GHI NHẬN CÁC TU CHỈNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày cập nhật** | **Tên các hạng mục và trang thay đổi** | **Ngày thay đổi** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

#  DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày kiểm tra** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả kiểm tra** | **Tên người (tổ chức) kiểm tra** | **Đại diện/Người khai thác cảng hàng không, sân bay** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

#

**GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

1. **Thuật ngữ:**
2. An ninh hàng không: là việc sử dụng các biện pháp, nguồn nhân lực, trang bị, thiết bị để phòng ngừa, ngăn chặn và đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo vệ an toàn cho tàu bay, hành khách, tổ bay và những người dưới mặt đất.
3. Bề mặt giới hạn chướng ngại vật: là bề mặt giới hạn độ cao tối đa của các vật thể bảo đảm an toàn cho tàu bay thực hiện các giai đoạn cất cánh, bay lên, bay theo các đường bay, vòng lượn, hạ thấp độ cao, hạ cánh; bảo đảm hoạt động bình thường cho các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.
4. Chỉ số phân cấp mặt đường (Pavement Classification Number - PCN): là chỉ số biểu thị khả năng chịu lực của mặt đường khi tàu bay hoạt động không hạn chế trên nó.
5. Chỉ số phân cấp tàu bay (Aircraft Classification Number - ACN): là chỉ số biểu thị tác động tương đối của tàu bay lên mặt đường tương ứng với một cấp nền đường tiêu chuẩn.
6. Chướng ngại vật hàng không (Obstacle): là tất cả những vật thể tự nhiên hoặc nhân tạo (cố định hoặc di động) có thể ảnh hưởng đến bảo đảm an toàn cho hoạt động bay hoặc hoạt động bình thường của các đài, trạm thông tin, ra đa dẫn đường hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.
7. Điểm quy chiếu sân bay (Aerodrome Reference Point): là điểm đánh dấu vị trí địa lý của sân bay.
8. Đường cất hạ cánh (Runway): là một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại khu bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh.
9. Đường lăn (Taxiway): là tuyến đường sử dụng cho tàu bay lăn từ khu vực này đến khu vực khác của cảng hàng không theo một đường đã định sẵn.
10. Khu vực hạn chế: là khu vực của cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không mà việc ra, vào và hoạt động tại đó phải tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được kiểm tra, giám sát an ninh hàng không.
11. Khu bay (Airfield): là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.
12. Lề đường (Shoulder): là khu vực tiếp giáp với mép mặt đường được chuẩn bị tốt nhằm đảm bảo chuyển tiếp êm thuận giữa mặt đường và bề mặt tiếp giáp.
13. Khu vực bảo hiểm đầu đường CHC (RESA) (Runway end safety area) là khu vực nằm đối xứng ở hai bên đường tim kéo dài của đường CHC tiếp giáp với cạnh cuối đường CHC nhằm giảm nguy cơ hư hỏng tàu bay khi nó chạm bánh trước đường CHC hoặc chạy vượt ra ngoài đường CHC.
14. Khu vực an toàn tại vị trí đỗ tàu bay (Aicraft Safety Area on the Parking): là khu vực hạn chế nằm trong ranh giới có đường kẻ màu đỏ xung quanh khu vực đỗ của tàu bay.
15. Mã hiệu sân bay (Aerodrome Reference Code): là mã chuẩn sân bay theo các tiêu chí được quy định tại mục 1.7 Phụ lục 14 của Công ước Chicago, gồm 2 thành phần:
16. Thành phần 1: “Mã số” từ 1 đến 4 được xác định căn cứ vào giá trị chiều dài đường cất hạ cánh chuẩn sử dụng cho tàu bay dùng đường cất hạ cánh đó.
17. Thành phần 2: “Mã chữ” từ A đến F được xác định căn cứ vào chiều dài sải cánh tàu bay và khoảng cách giữa mép ngoài của các bánh ngoài của hai càng chính tàu bay.
18. Người khai thác cảng hàng không, sân bay: là tổ chức được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.
19. Sân đỗ tàu bay (Apron): là khu vực được xác định trong sân bay dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; xếp, dỡ hành lý, thư, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa; tiếp nhiên liệu; cung ứng suất ăn; phục vụ kỹ thuật hoặc bảo trì tàu bay.
20. Thẻ kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay: là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay.
21. Vật phẩm nguy hiểm là vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất nổ, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, sự an toàn của chuyến bay.

1. **Chữ viết tắt:**
2. ACN *(Aircraft Classification Number)*: Số phân cấp tàu bay
3. ACC *(Area Control Centre)*: Trung tâm kiểm soát đường dài.
4. ACV *(Airports Corporation of Vietnam)*: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
5. AD WRNG *(Aerodrome Warning)*: Điện văn cảnh báo thời tiết cảng hàng không.
6. AFTN *(Aeronautical Fixed Telecommunications Network)*: Mạng viễn thông cố định hàng không
7. AMHS *(Air Traffic Service Message Handling System)*: Hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu.
8. AIP *(Aeronautical Information Publication)*: Tập thông báo Hàng không.
9. AIS *(Aeronautical Information Service)*: Dịch vụ thông báo tin tức hàng không
10. AMSL *(Above mean sea level)*: Trên mực nước biển trung bình
11. APP *(Approach Control Unit)*: Cơ sở kiểm soát tiếp cận
12. ARO *(ATS Reporting office)*: Phòng Thủ tục bay
13. ASDA *(Accelerated - Stop Distance Available)*: Cự ly có thể dừng khẩn cấp
14. ATS *(Air traffic servies)*: Dịch vụ không lưu
15. ATIS *(Automatic Terminal Information Service)*: Dịch vụ thông báo tự động trong khu vực sân bay.
16. AWOS *(Automated Weather Observing System)*: Hệ thống quan trắc khí tượng tự động
17. AWB *(Airway Bill)*: Vận đơn hàng không.
18. CAAV *(Civil Aviation Administration of Vietnam)*: Cục Hàng không Việt Nam
19. CAT *(Category)*: Cấp.
20. CHC: Cất hạ cánh.
21. DME *(Distance Measuring Equipment)*: Thiết bị đo cự ly.
22. DVOR *(Doppler VOR)*: Đài VOR theo nguyên lý Đốp-lơ
23. HK: Hàng không
24. HKDD: Hàng không dân dụng
25. HKQT: Hàng không quốc tế
26. HTQLAT: Hệ thống Quản lý an toàn
27. GP *(Glide Path)*: Đài chỉ góc hạ cánh thuộc hệ thống ILS.
28. ICAO *(International Civil Aviation Organization)*: Tổ chức HKDD Quốc tế.
29. ILS *(Instrument Landing System)*: Hệ thống hạ cánh bằng khí tài.
30. KSANHK: Kiểm soát an ninh Hàng không.
31. KT *(Knot)*: đơn vị đo tốc độ gió bằng dặm/giờ.
32. LDA *(Landing Distance Available)*: Cự ly sử dụng để hạ cánh.
33. LLZ *(Localizer)*: Đài hướng.
34. MET Report: Bản tin khí tượng.
35. METAR *(Routine Observation and Reports)*: Bản tin báo cáo thời tiết thường lệ tại cảng hàng không, sân bay.
36. MSL *(Mean Sea Level)*: So với mực nước biển trung bình.
37. MTOW *(Maximum Take - Off Weight)*: Trọng tải cất cánh tối đa.
38. MWO *(Meteorological Watch Office)*: CSCCDV cảnh báo thời tiết.
39. NDB *(Non - Directional Beacon)*: Đài dẫn đường vô hướng sóng trung.
40. NOTAM *(Notice To Airmen)*: Thông báo cho người lái.
41. OPMET *(Operational Meteorological Information)*: Số liệu khí tượng khai thác.
42. PAPI *(Precision Approach Path Indicator)*: Hệ thống đèn chỉ thị đường trượt tiếp cận chính xác
43. PCCC: Phòng cháy chữa cháy
44. PCN *(Pavement Classification Number)*: Số phân cấp tầng phủ (bề mặt).
45. PIB *(Pre Flight Information Bulletin)*: Bản tin thông báo trước chuyến bay.
46. PSR *(Primary Surveillance Radar)*: Rađa giám sát sơ cấp.
47. QFE *(Atmospheric Pressure at Aerodrome elevation or at runway threshold)*: Áp suất khí quyển tại mức cao cảng hàng không, sân bay hoặc tại ngưỡng đường CHC
48. QNH *(Altimeter sub-scale setting to obtain elevation when on the ground)*: Khí áp quy về mực nước biển trung bình theo khí quyển chuẩn ICAO.
49. QTV: Quan trắc viên.
50. RESA *(Runway End Safety Areas)*: Bảo hiểm đầu đường CHC
51. RVR *(Runway Visual Range)*: Tầm nhìn đường cất hạ cánh.
52. RWY *(Runway)*: Đường cất/hạ cánh
53. SIGMET *(Significant Meteorological Information)*: Bản tin cảnh báo do CSCCDV cảnh báo thời tiết liên quan đến sự xuất hiện hay dự kiến sẽ xuất hiện của các hiện tượng thời tiết trên đường bay và có khả năng uy hiếp an toàn bay.
54. SSR *(Secondary Surveillance Radar)*: Rađa giám sát thứ cấp.
55. SYNOP: Số liệu khí tượng bề mặt 3 giờ/lần.
56. TAF AMD *(Amendment Aerodrome Forecast)*: Bản tin dự báo thời tiết tại cảng hàng không, sân bay được bổ sung.
57. TAF *(Aerodrome Forecast)*: Bản tin dự báo thời tiết tại cảng hàng không, sân bay.
58. TBTTHK: Thông báo tin tức hàng không
59. TKCN: Tìm kiếm cứu nạn
60. TRAC *(Terminal Radar Approach Control)*: Rađa kiểm soát tiếp cận.
61. TREND: Dự báo thời tiết sân bay có hiệu lực dưới 2 giờ từ thời điểm quan trắc
62. TORA *(Take Off Run Available)*: Đoạn chạy lấy đà có thể sử dụng.
63. TODA *(Take Off Distance Available)*: Cự ly có thể cất cánh.
64. TWR *(Tower)*: Đài kiểm soát tại sân bay.
65. VPTTAT: Văn phòng thường trực an toàn
66. ULD *(Unit of Loading Device)*: Thiết bị chất xếp.
67. UPS *(Uninterruptible Power Supplier)*: Nguồn cung cấp điện liên tục
68. VOR *(VHF Ommidirectional Radio Range)*: Đài vô tuyến vạn hướng sóng VHF
69. WAFC *(World Area Forecast Center)*: Trung tâm dự báo thời tiết toàn cầu.
70. WAFS: Số liệu, sản phẩm dự báo thời tiết toàn cầu.
71. WGS-84 *(World Geodetic System 1984)*: Hệ trắc địa toàn cầu năm 1984.
72. WMO *(World Meteorological Organization)*: Tổ chức khí tượng Thế giới.
73. WS WRNG *(Wind Shear Warning)*: Điện văn cảnh báo hiện tượng gió đứt tầng thấp.

# CHƯƠNG I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Mục đích, yêu cầu và phạm vi áp dụng của Tài liệu khai thác sân bay

* 1. Mục đích:
* Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HKQT Cát Bi là căn cứ để Cục Hàng không Việt Nam thực hiện quy trình thẩm định, cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 51 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Điều 39 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
* Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HKQT Cát Bi là cơ sở để các cơ quan chức năng, lực lượng Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục Hàng không Việt Nam lập danh mục kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, khuyến nghị, các quy trình khai thác và chất lượng dịch vụ được cung cấp tại sân bay. Việc kiểm tra, giám sát sẽ được thực hiện trong quá trình thẩm định cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và trong quá trình hoạt động khai thác thực tế.
* Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HKQT Cát Bi cung cấp các thông tin và hướng dẫn cần thiết thông qua việc mô tả các Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ làm cơ sở cho người đại diện/ người được ủy quyền/ đối tác cung cấp dịch vụ/ cán bộ, công nhân viên của Cảng HKQT Cát Bi tham chiếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
	1. Yêu cầu:
* Các thông tin trong tài liệu cần ghi rõ sân bay đáp ứng được các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của các tổ chức quốc tế như ICAO, IATA, ACI… để đảm bảo an toàn cho hoạt động của tàu bay và chất lượng dịch vụ cung cấp cho người sử dụng cảng hàng không, sân bay.
* Lập Danh mục không đáp ứng trong Tài liệu khai thác sân bay đối với các hạng mục công trình không đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn khai thác theo quy định.
* Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HKQT Cát Bi phải được cập nhật các nội dung thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. Cảng HKQT Cát Bi có trách nhiệm cập nhật tài liệu khai thác sân bay theo quy định.
	1. Phạm vi áp dụng:
* Áp dụng cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không miền Bắc, Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi và các đơn vị có liên quan đến hoạt động bay và cung cấp dịch vụ hàng không tại ~~sân bay~~ Cảng HKQT Cát Bi.

## Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn

2.1 Căn cứ pháp lý:

* Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014.
* Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013.
* Luật phòng, chống thiên tai 33/2013/QH13.
* Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13.
* ~~Pháp lệnh về phòng chống lụt bão năm 1993 và Pháp lệnh số 27/2000/PL-UBTVQH ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh phòng chống lụt bão.~~
* Nghị định 75/2007/NĐ-CP ngày 09/05/2007 của Chính phủ về điều tra tai nạn, sự cố tàu bay.
* Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.
* ~~Nghị định số 14/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ về Quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương.~~
* ~~Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.~~
* Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
* Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về An ninh hàng không.
* Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
* Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ Quy định Chi tiết về Quản lý hoạt động bay.
* Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ Quy định về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.
* Nghị định số 83/2017/NĐ-CP …. Về cứu hộ cứu nạn
* Nghị định 44/NĐ-CP ngày 13/03/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.
* Thông tư 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng.
* Thông tư số 34/2014/TT-BGTVT ngày 11/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành QCVN “Sơn tín hiệu trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay”.
* Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng; Thông tư số 45/TT-BGTVT ngày 17/11/2017 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng; Thông tư 02/2018/TT-BGTVT ngày 09/01/2018 của Bộ GTVT quy định ngưng hiệu lực một phần thông tư số 45/TT-BGTVT ngày 17/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng.
* Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Thông tư 51/2018/TT-BGTVT ngày 19/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
* Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo trì công trình hàng không dân dụng.
* Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.
* Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25/08/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không.
* Thông tư số 04/2018/TT-BGTVT ngày 23/01/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không.
* Thông tư 28 chuyên cơ
* Thông tư 53 chuyên cơ
* ~~Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGTVT ngày 03/01/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phương thức bay hàng không dân dụng.~~
* Quyết định 26/2007/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2007 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành Quy chế tìm kiếm cứu nạn hàng không dân dụng.
* Quyết định số 33/2012/QĐ-TTg ngày 06/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng không dân dụng;
* Quyết định 349/QĐ-BGTVT ngày 05/02/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chương trình an toàn đường cất hạ cánh.
* Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25/02/2015 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không.
* Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vị can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.
* Quyết định 1272/QĐ-CHK ngày 09/6/2017 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc Hướng dẫn lập Tài liệu khai thác sân bay và Tài liệu khai thác công trình.

2.2 Tài liệu viện dẫn:

Các tài liệu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế ICAO:

* Phụ ước 2 về Quy tắc bay;
* Phụ ước 4 về Bản đồ, sơ đồ hàng không;
* Phụ ước 5 về Đơn vị đo lường hàng không;
* Phụ ước 10 về Thông tin liên lạc hàng không;
* Phụ ước 11 về Dịch vụ điều hành bay;
* Phụ ước 12 về Tìm kiếm cứu nạn hàng không;
* Phụ ước 13 về Điều tra sự cố và tai nạn tàu bay;
* Phụ ước 14 về Tiêu chuẩn và khuyến nghị thực hành (SARPs) về thiết kế và khai thác sân bay;
* Phụ ước 15 về Dịch vụ thông báo tin tức hàng không;
* Phụ ước 17 về An ninh hàng không;
* Phụ ước 19 về Hệ thống quản lý an toàn;
* Sổ tay hướng dẫn cấp chứng chỉ sân bay (Doc 9774 –AN/969) của ICAO;
* Sổ tay hướng dẫn Thông báo tin tức Hàng không (Doc 8126 ICAO);
* Sổ tay hướng dẫn an ninh bảo vệ hàng không dân dụng ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp (Doc 8973 ICAO);
* Sổ tay hướng dẫn quản lý an toàn (Doc 9859-AN/474- ICAO);
* Sổ tay hướng dẫn về các dịch vụ sân bay (Doc 9137 ICAO);
* Sổ tay hướng dẫn thiết kế sân bay (Doc 9157/AN901 ICAO).

## Quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu

3.1 Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi cập nhật các nội dung liên quan đến thay đổi của tài liệu:

* Văn phòng Cảng HKQT Cát Bi có trách nhiệm quản lý theo dõi, cập nhật các nội dung liên quan đến thay đổi của tài liệu.
* Ông Lê Huy Trường – Chánh văn phòng
* Di động: 0913.546.809
* Điện thoại: (+84) 225 397 6408, Fax: (+84) 225 397 6217.
* Email: tonghopcbi@gmail.com

3.2 Quy trình bổ sung, tu chỉnh tài liệu:

* Việc tu chỉnh toàn bộ tài liệu khai thác sân bay - Cảng HKQT Cát Bi được thực hiện 1 lần/năm vào Quý IV hàng năm. Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi có trách nhiệm rà soát các nội dung thay đổi bổ sung trong tài liệu (các nội dung thay đổi phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận bằng văn bản), báo cáo Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP trình Cục HKVN xem xét phê duyệt theo quy định. Những nội dung bổ sung tu chỉnh trong tài liệu sau khi được Cục HKVN phê duyệt phải được thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.
* Các nội dung thay đổi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cần phải bổ sung ngay vào Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cát Bi. Sau khi có văn bản phê duyệt của Cục HKVN đối với nội dung thay đổi liên quan đến Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cát Bi, Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi chịu trách nhiệm ban hành bản bổ sung, tu chỉnh để cập nhật các nội dung thay đổi vào Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cát Bi, báo cáo bằng văn bản đến Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP và thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện; Bản bổ sung tu chỉnh tạm thời được in trên giấy màu vàng và hết hiệu lực ngay sau khi đã tu chỉnh toàn bộ Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cát Bi theo chu kỳ 01 lần/năm.
* Các quyết định tạm thời của Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi và Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP phải được ghi nhận vào trang “Ghi nhận các tu chỉnh” và đính kèm tài liệu.

## Các điều kiện chung để khai thác sân bay

4.1 Tính chất khai thác:

* ~~Cảng HKQT~~ Sân bay Cát Bi là sân bay dùng chung dân dụng ~~hoạt động chung giữa HKDD~~ và quân sự, có khả năng tiếp nhận các loại tàu bay: B777-200LR, A321 và các loại tàu bay khác có tính năng kỹ thuật và trọng tải tương đương trở xuống.
* Các chuyến bay quốc tế, nội địa thường lệ, không thường lệ, các loại tàu bay tư nhân, các loại tàu bay Quân sự và các loại tàu bay khác khi được các cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác ~~nội địa/ quốc tế đi/ đến được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép~~.
* Sân bay Cát Bi là sân bay cấp 4E theo tiêu chuẩn ICAO và sân bay cấp I theo tiêu chuẩn Quân sự.

4.2 Giờ hoạt động, tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của các cơ quan hoạt động tại Cảng HKQT Cát Bi:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ quan/đơn vị** | **Giờ hoạt động** | **Số điện thoại** |
|  | Cảng HKQT Cát Bi | 24/24 | 0225.3273.9860969.279.292 |
|  | Đại diện Cảng vụ hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi | 24/24 | 0225.3558.7340936.758.734 |
|  | Đài KSKL Cát Bi – Cty QLB Miền Bắc:* Đài Kiểm soát tại sân bay Cát Bi;
* Cơ sở Thủ tục bay, thông báo tin tức hàng không tại sân bay Cát Bi;
* Bộ phận đánh tín hiệu;
* Cơ sở cung cấp dịch vụ khí tượng hàng không.
 | 24/24 | 0225.3976.9100225.3273.0980225.3273.0980225.3977.882 |
|  | Đài dẫn đường DVOR/DME – Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay | 24/24 | 0912.274.232 |
|  | Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam tại Hải Phòng | Khi có chuyến bay khai thác | 0225.3976.255 |
|  | Chi nhánh tại Cát Bi – Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex | Khi có chuyến bay khai thác | 0225.3899.582 |
|  | Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay | Khi có chuyến bay khai thác | 0225.3976.451 |
|  | Hãng hàng không Vietnam Airlines | Khi có chuyến bay khai thác | 0225.3810.8900979.866.133 |
|  | Hãng hàng không Vietjet Air | Khi có chuyến bay khai thác | 0904.325.551 |
|  | Hãng hàng không Jetstar Pacific | Khi có chuyến bay khai thác | 0904.447.333 |
|  | Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh - Công an TP. Hải Phòng | Khi có chuyến bay quốc tế | 0225.3895.762 |
|  | Kiểm dịch Y tế Quốc tế Hải Phòng | Khi có chuyến bay quốc tế | 0225.3842.248 |
|  | Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng - Khu vực 3 | Khi có chuyến bay quốc tế | 0225.3767.513 |
|  | Tổ bảo dưỡng kỹ thuật ngoại trường VietJet Air | Khi chuyến bay khai thác | (Bổ sung) |
|  | Chi nhánh VietJet Air Cargo tại Hải Phòng | Khi chuyến bay khai thác | (Bổ sung) |
|  | Công ty Cổ phần suất ăn hàng không VINACS | Khi chuyến bay khai thác | 088.880.6988088.839.8585024.3885.3885 |

## Hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các thủ tục thông báo

5.1 Hệ thống thông báo tin tức hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi

Đơn vị cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi là Trung tâm thông báo tin tức hàng không - Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

5.2 Quy chế phối hợp và Hiệp đồng giữa các cơ quan

Tham chiếu Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ thông báo tin tức hàng không Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP có hiệu lực ngày 01 tháng 12 năm 2018.

~~Dịch vụ thông báo tin tức hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi do Cơ sở thủ tục bay thông báo tin tức hàng không trực thuộc Đài Kiểm soát không lưu Cát Bi - Công ty Quản lý bay miền Bắc cung cấp.~~

~~Hệ thống dịch vụ và các thủ tục thông báo tin tức hàng không được thực hiện theo Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay (Chương IV – Thông báo tin tức hàng không).~~

## Hệ thống thống kê hoạt động cất hạ cánh của tàu bay tại Cảng HKQT Cát Bi

6.1 Cơ quan thống kê:

Phòng phục vụ bay - Cảng HKQT Cát Bi chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo số lần hoạt động cất, hạ cánh và số liệu vận chuyển thương mại của tàu bay tại Cảng HKQT Cát Bi.

6.2 Chế độ báo cáo:

Số liệu được báo cáo định kỳ theo tuần, tháng, quý, sáu tháng và năm về Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, Cục Hàng không Việt Nam, ~~Đại diện~~ Cảng vụ hàng không miền Bắc ~~tại Cảng HKQT Cát Bi~~ theo quy định tại Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

6.3 Nội dung thống kê bao gồm:

Dựa trên cơ sở số liệu tổng hợp mỗi ngày, Phòng phục vụ bay - Cảng HKQT Cát Bi cung cấp số liệu thống kê ngày, tuần, tháng, quý, năm. Nội dung thống kê gồm:

* Thống kê so sánh sản lượng vận chuyển tăng, giảm của từng thời kỳ: so với tuần trước, tháng trước, so với năm trước, so với cùng kỳ năm trước, để phục vụ cho công tác dự báo sản lượng vận chuyển.
* Thống kê sản lượng hàng hóa, hành lý, bưu kiện vận chuyển theo từng chuyến bay đến/ đi;
* Thống kê sản lượng vận chuyển của từng Hãng hàng không đang khai thác tại Cảng HKQT Cát Bi;
* Thống kê số lần cất hạ cánh theo từng mục đích khai thác (nội địa, quốc tế, quân sự, huấn luyện, thương mại, thuê chuyến).

## Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người khai thác Cảng HKQT Cát Bi

* 1. Chức năng:
* Quản lý, vận hành, khai thác cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị tại Cảng HKQT Cát Bi do Tổng công ty giao;
* Bảo đảm An ninh, an toàn hàng không theo quy định pháp luật hiện hành;
* Cung cấp các dịch vụ hàng không và phi hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi.
	1. Nhiệm vụ:
* Tổ chức bộ máy hoạt động của Cảng HKQT Cát Bi theo mô hình tổ chức đã được Tổng công ty phê duyệt. Xây dựng trình Tổng công ty thẩm định ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và triển khai tổ chức thực hiện;
* Tổ chức quản lý, sử dụng tài sản và nguồn lực khác theo quy định của pháp luật, của Tổng công ty để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo chỉ tiêu, kế hoạch của Tổng công ty giao;
* Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động bay tại Cảng HKQT Cát Bi; kiểm tra, giám sát việc chấp hành và thực hiện các quy định về an ninh, an toàn hàng không; Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; định mức lao động, quy chế phân phối tiền lương trình Tổng công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện;
* Quản lý, khai thác mặt bằng, cơ sở hạ tầng tại khu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, sân đỗ ô tô, tổ chức kinh doanh cho các dịch vụ hàng không và phi hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi; Thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động bay và tổ chức điều hành bay; bảo đảm an ninh, an toàn hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi;
* Đàm phán, thương lượng, ký kết các hợp đồng dịch vụ hàng không với các Hãng hàng không có máy bay đi, đến tại Cảng HKQT Cát Bi và ký kết các Hợp đồng kinh tế khác theo phân cấp quản lý hoặc ủy quyển của Tổng công ty;
* Tổ chức cung ứng các dịch vụ kỹ thuật - thương mại, giám sát các hoạt động khai thác của các tổ chức, cá nhân tại Cảng HKQT Cát Bi;
* Quản lý, vận hành, bảo trì và khai thác hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật tại Cảng HKQT Cát Bi;
* Tổ chức thực hiện công tác khẩn nguy cứu nạn; công tác phòng cháy và chữa cháy theo tiêu chuẩn quy định của ICAO, pháp luật Việt Nam và theo quy định của Tổng công ty;
* Phối hợp với các cơ quan chức năng: Đại diện Cảng vụ hàng không, Quân đội, Công an địa phương và các cơ quan chức năng khác… làm việc tại Cảng HKQT Cát Bi nhằm đảm bảo an ninh, trật tự, phục vụ hành khách an toàn, lịch sự, hiệu quả.
	1. Quyền hạn:
* Được quyền đề xuất với Tổng công ty các giải pháp, chiến lược kinh doanh và quản lý để tổ chức thực hiện nhiêm vụ;
* Tổ chức thực hiện các quyền hạn về tài chính, kế hoạch mua sắm trang thiết bị, sửa chữa thường xuyên, quản lý sử dụng lao động theo phân cấp của Tổng công ty; Xây dựng và trình Tổng công ty phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật để triển khai áp dụng tại đơn vị;
* Ban hành các quy định về quản lý, khai thác Cảng, không trái với các quy định của Tổng công ty và các quy định các do Nhà nước ban hành.
	1. Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi có nhiệm vụ, quyền hạn sau:
* Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;
* Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch khác theo hướng dẫn của Tổng công ty trình Tổng công ty phê duyệt; tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch được giao;
* Quản lý, điều hành các hoạt động của Cảng HKQT Cát Bi theo phân cấp, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động cho Tổng công ty theo định kỳ hoặc đột xuất;
* Xây dựng và trình Tổng công ty phê duyệt, quyết định các phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thành viên và bộ máy giúp việc của Cảng HKQT Cát Bi. Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo phân cấp;
* Đề nghị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, điều động, cử đi công tác, học tập, … trong và ngoài nước đối với các chức danh cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ của Tổng công ty;
* Xây dựng và trình Tổng công ty thẩm định trước khi ban hành các quy chế, quy định về lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng, kỷ luật và các văn bản khác áp dụng tại Cảng HKQT Cát Bi phù hợp với quy định của Tổng công ty và quy định của pháp luật;
* Tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ được giao; chịu sự kiểm tra, giám sát của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;
* Tổ chức quản lý công tác Tài chính tại Cảng HKQT Cát Bi theo quy chế phân cấp quản lý tài chính Tổng công ty và theo quy định của pháp luật; Đại diện cho Cảng HKQT Cát Bi đàm phán, ký kết hợp đồng kinh tế; ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo sự ủy quyền, phân cấp của Tổng công ty;
* Xây dựng và ban hành nội quy lao động; quy định bảo mật, bảo vệ các thông tin kinh tế - kỹ thuật nội bộ; bí mật quốc gia theo quy định của pháp luật để áp dụng thống nhất; Tổ chức và thực hiện công tác khẩn nguy, tìm kiếm cứu nạn hàng không theo quy định của Nhà nước;
* Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, sự cố đặc biệt …) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời báo cáo Tổng giám đốc.

# CHƯƠNG II

# THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI

## Tên cảng hàng không, sân bay

* Tên tiếng Việt: Cảng hàng không quốc tế Cát Bi
* Tên tiếng Anh: Cat Bi International Airport.
* Mã sân bay theo ký hiệu ICAO: VVCI.
* Mã sân bay theo ký hiệu IATA: HPH.

## Vị trí cảng hàng không quốc tế Cát Bi~~, sân bay~~:

* Cảng HKQT Cát Bi nằm trong địa giới hành chính thuộc Quận Hải An - thành phố Hải Phòng. Vị trí nằm ở phía Đông Nam thành phố và cách trung tâm thành phố Hải Phòng 8 km.
* Phía Bắc, phía Tây tiếp giáp các Phường Cát Bi, Thành Tô, Đằng Lâm và Đằng Hải.
* Phía Đông, phía Nam tiếp giáp các Phường Tràng Cát, Nam Hải.
* ~~Theo đường chim bay Cảng HKQT Cát Bi cách Cảng HKQT Nội Bài: 105km.~~
* Khoảng cách đến các sân bay gần nhất:
* Cảng HKQT Nội Bài: khoảng 105km.
* Cảng HKQT Vân Đồn: khoảng 80km.
* Cảng HK Thọ Xuân: khoảng 165km.

## Tọa độ điểm quy chiếu sân bay (Theo hệ WGS-84).

Điểm quy chiếu sân bay là giao điểm của tim đường lăn N4 và tim đường CHC 07-25.

Toạ độ (WGS-84): 20°49'00,86951"N (Bắc) - 106°43'23,17921"E (Đông).

~~(Số liệu căn cứ văn bản số 2017/TCTCHKVN-KTC ngày 30/5/2018 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP gửi Cục Hàng không Việt Nam về việc thông số kỹ thuật đường CHC, số liệu mốc khống chế PACS/SACS và các điểm trọng yếu tại các Cảng hàng không Cam Ranh, Cát Bi, Thọ Xuân, Phú Bài, Tuy Hòa).~~

## Mức cao sân bay và địa thế Cảng HKQT Cát Bi

* Mức cao sân bay: 3 m so với mực nước biển trung bình - MSL
* Mức cao ngưỡng đường cất hạ cánh:
* Mức cao ngưỡng đầu đường CHC 07: 2,50 m (MSL)
* Mức cao ngưỡng đầu đường CHC 25: 2,57 m (MSL)
* Địa thế sân bay: Sân bay Cát Bi có địa hình bằng phẳng….

## Cấp cứu hỏa sân bay

Cấp cứu hỏa sân bay Cảng HKQT Cát Bi: Cấp 8 (theo Quyết định số 917/QĐ-CHK ngày 04/05/2017 của Cục Hàng không Việt Nam).

* ~~Thông số các loại xe cứu hỏa:~~

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **~~TT~~** | **~~Loại xe/~~****~~Năm sản xuất~~** | **~~Dung tích nước (lít)~~** | **~~Dung tích Foam (lít)~~** | **~~Bột khô (kg)~~** | **~~Tốc độ xả bọt (lít/phút)~~** |
| ~~1~~ | ~~Titan/1997~~ | ~~5.678~~ | ~~757~~ | ~~250~~ | ~~2.839~~ |
| ~~2~~ | ~~Zigler/2013~~ | ~~5.500~~ | ~~700~~ | ~~250~~ | ~~5.000~~ |
| ~~3~~ | ~~Rosenbauer Model Panther 6x6 CA5/2016~~ | ~~12.600~~ | ~~1.600~~ | ~~250~~ | ~~6.200~~ |
|  | **~~Tổng cộng~~** | **~~23.778~~** | **~~3.057~~** | **~~750~~** | **~~14.039~~** |

## Nhiệt độ tham chiếu tại Cảng HKQT Cát Bi:

Nhiệt độ trung bình cực đại của tháng nóng nhất trong năm đo lúc 13h00 (số liệu từ năm 2009 đến 2018).(Trích nguồn … )

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệt độ** | **Năm** |
| **Trung bình cực đại (0C)** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** |
| 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 33 | 33 | 34 | 33 | 33 |

## Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (24/24 giờ) của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi

* Tên người có trách nhiệm: Vũ Văn Viên
* Chức vụ: Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi
* Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Cát Bi - Đường Lê Hồng Phong – Phường Thành Tô – Quận Hải An - Thành phố Hải Phòng
* Di động: +84 91 248 2242
* Tổng đài: +84 (225) 327 3986 Hotline: (+84) 96 927 9292
* AFTN: VVCIZPZX
* SITA:
* HPHKLXH (Phục vụ hành khách và cân bằng trọng tải)
* HPHFFXH (Phục vụ hàng hóa).

## Các loại bản đồ, sơ đồ:

* Phụ lục 01, 02: Bản đồ tổng thể, ranh giới Cảng HKQT Cát Bi;
* Phụ lục 03: Bản đồ chỉ vị trí tương đối của Cảng HKQT Cát Bi đến trung tâm thành phố và các vị trí công trình, trang thiết bị nằm ngoài hàng rào;
* Phụ lục 04: Bản đồ tiếng ồn tại khu vực Cảng HKQT Cát Bi (đang xây dựng);
* Phụ lục 05: Sơ đồ chướng ngại vật hàng không – Loại A (đang xây dựng);
* Phụ lục 06: Sơ đồ các vùng ảnh hưởng đến hoạt động bay của đèn laze, thiết bị chiếu sáng với cường độ cao (đang xây dựng);
* Phụ lục 07: Sơ đồ địa hình tiếp cận chính xác (đang xây dựng);
* Phụ lục 08: Sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất - Cảng HKQT Cát Bi (Tập bổ sung AIP – Phụ lục AIRAC AIP SUP A16/18-3);
* Phụ lục 09: Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ - Cảng HKQT Cát Bi;
* Phụ lục 10: Sơ đồ phương thức khởi hành tiêu chuẩn sử dụng thiết bị (SID) (Tập bổ sung AIP – Phụ lục AIRAC AIP SUP A02/18-6, 7);
* Phụ lục 11: Sơ đồ khu vực tiếp cận (Tập bổ sung AIP – Phụ lục AIRAC AIP SUP A02/18-5);
* Phụ lục 12: Sơ đồ phương thức tiếp cận sử dụng thiết bị (Tập bổ sung AIP – Phụ lục AIRAC AIP SUP A02/18-8, 9, 10, 11);
* Phụ lục 13: Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng mắt (Tập bổ sung AIP – Phụ lục AIRAC AIP SUP A17/16-27);
* Phụ lục 14: Sơ đồ giới hạn độ cao chướng ngại vật hàng không (đang xây dựng);
* Phụ lục 15: Sơ đồ bố trí các điểm kiểm soát an ninh, đường giao thông trong khu bay;
* Phụ lục 16: Sơ đồ thoát nước khu bay;
* Phụ lục 17: Sơ đồ hệ thống biển báo khu bay, sơn kẻ tín hiệu đường CHC;
* Phụ lục 18: Sơ đồ vị trí đỗ biệt lập, hố xử lý bom mìn;
* Phụ lục 19: Sơ đồ dải bay và thống kê các chướng ngại vật trên dải bay – CHKQT Cát Bi;
* Phụ lục 20: Sơ đồ vị trí hố neo chống bão sân đỗ tàu bay Cảng HKQT Cát Bi;
* Phụ lục 21: Sơ đồ bố trí đèn chiếu sáng trên sân đỗ tàu bay – Cảng HKQT Cát Bi;
* Phụ lục 22: Kiểm tra an toàn khu bay;
* Phụ lục 23: Quy trình điều khiển và vận hành xe kéo đẩy tàu bay;
* Phụ lục 24: Sơ đồ cổng ra vào của các đơn vị hiệp đồng;
* Phụ lục 25A: Vị trí tập kết ban đầu đối với trường hợp khẩn nguy;
* Phụ lục 25B: Vị trí tập kết đối với trưởng hợp khẩn nguy tại nhà ga hành khách;
* Phụ lục 25C: Vị trí tập kết đối với trường hợp khẩn nguy tại khu bay;
* Phụ lục 26: Danh bạ điện thoại phục vụ khẩn nguy.

## Các chi tiết quyền sử dụng đất Cảng HKQT Cát Bi

Căn cứ Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 03/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thế Cảng HKQT Cát Bi, Tp. Hải Phòng, giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025:

* Tổng diện tích Cảng HKQT Cát Bi đến năm 2025: khoảng 488,02 ha. Trong đó:
* Đất do hàng không dân dụng quản lý : 175,70 ha;
* Đất do quân sự quản lý : 193,22 ha;
* Đất dùng chung do hàng không dân dụng quản lý : 119,10 ha.
* Cảng HKQT Cát Bi hiện đang trong quá trình xây dựng, mở rộng các giai đoạn tiếp theo. Tổng diện tích đất hiện có; diện tích đất khu bay dùng chung do quân sự, do dân dụng quản lý tạm bàn giao; số liệu cập nhật sau khi hoàn thành và có quyết định chính thức.

# CHƯƠNG III

# CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ

# CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI

## Đường cất hạ cánh

* 1. Ký hiệu đường cất hạ cánh: 07 – 25;
	2. Hướng đường CHC: 072° - 252°;
	3. Độ lệch từ: 01° Tây (01° W);
	4. Kích thước đường cất hạ cánh:
* Chiều dài: 3050m;
* Chiều rộng: 45m.
	1. Kích thước lề đường cất hạ cánh:
* Chiều dài: 3050 m;
* Chiều rộng: 7,5 m.
	1. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình:
* Độ dốc dọc trung bình: 0,01%;
* Độ dốc ngang điển hình: 1%.
	1. Tọa độ, ~~mức cao ngưỡng~~ đường CHC (Theo hệ WGS-84):
* Đầu đường CHC 07: 20048’45,86”N – 106042’33,09”E;
* Đầu đường CHC 25: 20049’15,97”N – 106043’13,59”E;
	1. Mức cao ngưỡng:
* Đầu đường CHC 07: 2,50 m (MSL);
* Đầu đường CHC 25: 2,57 m (MSL).
	1. Loại tầng phủ mặt đường cất hạ cánh, sức chịu tải đường cất hạ cánh ~~công bố theo phương pháp ACN/PCN;~~ loại tầng phủ bề mặt lề đường cất hạ cánh:
* Loại tầng phủ mặt đường cất hạ cánh: Bê tông nhựa;
* Sức chịu tải đường cất hạ cánh ~~công bố theo phương pháp~~: PCN = 69/F/B/W/T.
* Loại tầng phủ mặt lề đường cất hạ cánh: Bê tông nhựa.
	1. Vùng không có chướng ngại vật (OFZ) trong trường hợp tiếp cận hạ cánh chính xác: Không.
	2. Kích thước dải bay, khu vực bảo hiểm hai đầu đường cất hạ cánh, đoạn dừng và khoảng trống đầu đường CHC:
* Dải bay ~~(RWY STRIP),~~ có kích thước:
* Chiều dài: 3370m (3050m + 60m + 60m + 100m + 100m);
* Chiều rộng: 300m.
* Khu vực bảo hiểm cuối đường CHC: Đầu 07 và 25, có kích thước: chưa công bố.
* ~~Đầu đường CHC 07: kích thước 140m x 90m;~~
* ~~Đầu đường CHC 25: kích thước 110m x 90m.~~
* ~~Dải hãm phanh đầu~~ ~~(SWY):~~ Đoạn dừng:
* Đầu đường CHC 07: kích thước 100m x 60m;
* Đầu đường CHC 25: kích thước 100m x 60m.
* Khoảng trống (CWY): Không có.
	1. Các cự ly công bố:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ký hiệu đường CHC | Cự ly chạy đà TORA (m) | Cự ly có thể cất cánh TODA (m) | Cự ly có thể dừng khẩn cấp ASDA (m) | Cự ly có thể hạ cánh LDA (m) |
| **Đường CHC 07** | **3050** | **3050** | **3150** | **3050** |
| **Đường CHC 25** | **3050** | **3050** | **3150** | **3050** |

* Sơ đồ các cự ly công bố:



* 1. Vị trí, cao độ của các chướng ngại vật ảnh hưởng nhất trong các khu vực tiếp cận hạ cánh, cất cánh, vòng chờ, khu vực lân cận sân bay và các chướng ngại vật vi phạm về mặt giới hạn chướng ngại vật.

 (Theo tập bổ sung thông báo tin tức hàng không AIP SUP A17/16)

|  |
| --- |
| **Trong Khu vực 2** |
| Nhận dạng/ Ký hiệu chướng ngại vật | Loại chướng ngại vật | Vị trí của chướng ngại vật | Mức cao/ chiều cao | Đánh dầu/ loại, màu | Ghi chú |
| a | b | c | d | e | f |
| VVCIOB001 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’17,79”N106°44’25,57”E | 12,50m (chiều cao) | Không | Nhà tầng |
| VVCIOB002 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’17,83”N106°44’26,02”E | 13,40m (chiều cao) | Không | Nhà tầng |
| VVCIOB003 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’17,94”N106°44’26,38”E | 12,30m (chiều cao) | Không | Nhà tầng |
| VVCIOB004 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’19,47”N106°44’26,38”E | 12,30m (chiều cao) | Không | Nhà tầng |
| VVCIOB005 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’19,14”N106°44’27,53”E | 12,30m (chiều cao) | Không | Nhà tầng |
| VVCIOB006 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’18,91”N106°44’27,35”E | 13,50m (chiều cao) | Không | Nhà tầng |
| VVCIOB007 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’17,87”N106°44’27,09”E | 15,40m (chiều cao) | Không | Nhà tầng |
| VVCIOB008 | Chướng ngại vật cố định | 20°49’20,00”N106°44’30,78”E | 16,00m (chiều cao) | Không | Cột thu lôi |

|  |
| --- |
| **Trong Khu vực 3** |
| Nhận dạng/ Ký hiệu chướng ngại vật | Loại chướng ngại vật | Vị trí của chướng ngại vật | Mức cao/ chiều cao | Đánh dầu/ loại, màu | Ghi chú |
| a | b | c | d | e | f |
| Không |

* 1. Hệ số ma sát đường cất hạ cánh:

Hiện tại, Cảng HKQT Cát Bi chưa thực hiện đo hệ số ma sát đường cất hạ cánh. Đưa vào danh mục không **đáp ứng**

* 1. Lựa chọn và sử dụng đường cất hạ cánh

Đài KSKL Cát Bi lựa chọn hướng đường CHC sử dụng (hướng 07 hoặc hướng 25) theo Tài liệu hướng dẫn khai thác Đài KSKL Cát Bi.

## Đường lăn

* 1. Đường lăn N:
* Ký hiệu đường lăn: N
* Vị trí: song song với đường cất hạ cánh, cách đường CHC 25-07 khoảng 200m về phía Bắc.
* Đường lăn N đóng cửa, không khai thác.

(Quyết định số 2397/QĐ-CHK ngày 07/11/2017 của Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng cửa đường lăn N - Cảng HKQT Cát Bi).

* 1. Đường lăn N1
		1. Ký hiệu đường lăn, loại đường lăn:
* Ký hiệu đường lăn: N1
* Loại đường lăn: Đường lăn nối tại khu vực sân quay đầu đường CHC 25
	+ 1. Kích thước đường lăn:
* Chiều dài: 178m.
* Chiều rộng (sân quay đầu): 105m.
	+ 1. Kích thước lề đường lăn:
* Chiều dài: 178m.
* Chiều rộng: 10,5m.
	+ 1. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: (Yêu cầu Cảng kiểm tra rà soát, cung cấp số liệu)
		2. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn, loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn:
* Loại tầng phủ mặt đường lăn: Bê tông xi măng;
* Sức chịu tải đường lăn: PCN = 64/R/A/W/T.
* Loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn: Bê tông nhựa.
	+ 1. Kích thước dải lăn:
* Chiều dài: 178m
* Chiều rộng: 43,5m
	+ 1. Những hạn chế/lưu ý của đường lăn

Hot Spot 3 - Tàu bay code E quay đầu trên sân quay đầu đường CHC 25 trong điều kiện thời tiết xấu hoặc trời tối: Cần chú ý vì vệt lăn chỉ cách lề sân quay 11,5m

* 1. Đường lăn N4
		1. Ký hiệu đường lăn, loại đường lăn:
* Ký hiệu đường lăn: N4
* Loại đường lăn: Đường lăn nối
	+ 1. Kích thước đường lăn:
* Chiều dài: 166m.
* Chiều rộng: 33m.
	+ 1. Kích thước lề đường lăn:
* Chiều dài: 200m.
* Chiều rộng: 10,5m.
	+ 1. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: (Yêu cầu Cảng kiểm tra rà soát, cung cấp số liệu)
		2. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn, loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn:
* Loại tầng phủ mặt đường lăn:
* ½ đường lăn N4 tiếp giáp với đường CHC 07-25: Bê tông nhựa;
* ½ đường lăn N4 tiếp giáp với đường lăn song song N: Bê tông xi măng;
* Sức chịu tải đường lăn công bố theo phương pháp:
* ½ đường lăn N4 tiếp giáp với đường CHC 07-25:

PCN = 69/F/B/X/T.

* ½ đường lăn N4 tiếp giáp với đường lăn song song N:

PCN = 64/R/B/X/T;

* Loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn: Bê tông nhựa.
	+ 1. Kích thước dải lăn:
* Chiều dài: 166m
* Chiều rộng: 43,5m
	+ 1. Những hạn chế/lưu ý của đường lăn: Không có
	1. Đường lăn N7
* Vị trí: Vuông góc với đường CHC tại đầu 07;
* Kiểu loại: Đường lăn nối N7, sân quay đầu 07;
* Kích thước dạng hình thang:
* Chiều dài là 130m;
* Chiều rộng (Khu vực sân quay đầu) là 105m.
* Kích thước lề đường lăn:
* Chiều dài: 130m.
* Chiều rộng: 10,5m.
* Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn công bố theo phương pháp ACN/PCN; loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn:
* Loại tầng phủ mặt đường lăn: Bê tông xi măng;
* Sức chịu tải đường lăn công bố theo phương pháp: PCN = 64/R/A/W/T.
* Loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn: Bê tông nhựa.
* Những hạn chế khi lăn: Hot Spot 2 - Tàu bay code E quay đầu trên sân quay đầu đường CHC 07 trong điều kiện thời tiết xấu hoặc trời tối: Cần chú ý vì vệt lăn chỉ cách lề sân quay đầu 11,5m.
	1. Đường lăn W2
* Vị trí: Nối đường lăn N và sân đỗ máy bay;
* Đường lăn W2: đóng cửa, không khai thác.

(Không khai thác do đường lăn N đóng cửa theo Quyết định số 2397/QĐ-CHK ngày 07/11/2017 của Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng cửa đường lăn N - Cảng HKQT Cát Bi).

* 1. Đường lăn W4
* Vị trí: nối giữa đường lăn N4 và sân đỗ tàu bay;
* Kiểu loại: Đường lăn nối;
* Kích thước đường lăn:
* Chiều dài đường lăn: 77m;
* Chiều rộng đường lăn: 40m (bao gồm cả phần mở rộng bụng).
* Kích thước lề đường lăn:
* Chiều dài: 77m.
* Chiều rộng: 10,5m.
* Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn công bố theo phương pháp ACN/PCN; loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn:
* Loại tầng phủ mặt đường lăn: Bê tông xi măng;
* Sức chịu tải đường lăn công bố theo phương pháp:

PCN = 64/R/B/X/T.

* Loại tầng phủ bề mặt lề đường lăn: Bê tông nhựa.
* Những hạn chế khi lăn: Không hạn chế.

## Sân đỗ

* 1. Ký hiệu: Không.
	2. Kiểu loại: Sân đỗ phục vụ hành khách, hàng hóa dùng chung.
	3. Số lượng vị trí đỗ tàu bay: 15 vị trí đỗ.
	4. Tọa độ các vị trí đỗ tàu bay, loại tàu bay khai thác đối với từng vị trí đỗ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên vị trí đỗ** | **Vĩ độ** | **Kinh độ** | **Ghi chú** |
| Vị trí đỗ số 1 | 20°49’20,78’’N | 106°43’40,23’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 2 | 20°49’20,37’’N | 106°43’38,85’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 3 | 20°49’19,95’’N | 106°43’37,46’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 4 | 20°49’19,54’’N | 106°43’36,08’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 5 | 20°49’19,12’’N | 106°43’34,69’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 6 | 20°49’18,46’’N | 106°43’32,29’’E | Khai thác B777 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 7 | 20°49’17,38’’N | 106°43’31,08’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 8 | 20°49’17,70’’N | 106°43’29,75’’E | Khai thác B777 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 9 | 20°49’16,95’’N | 106°43’29,64’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 10 | 20°49’17,11’’N | 106°43’27,96’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ số 11 | 20°49’16,69’’N | 106°43’26,57’’E | Khai thác A321 và tương đương trở xuống |
| Vị trí đỗ 1A | Chưa có số liệu | Chưa có số liệu | Khai thác tàu bay ATEC 321 |
| Vị trí đỗ 1B | Chưa có số liệu | Chưa có số liệu | Khai thác tàu bay ATEC 321 |
| Vị trí đỗ 1C | Chưa có số liệu | Chưa có số liệu | Khai thác tàu bay ATEC 321 |
| Vị trí đỗ ~~1D~~ 1E | Chưa có số liệu | Chưa có số liệu | Khai thác tàu bay CESSNA T206H |

(Phụ lục 09 – Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay – Cảng HKQT Cát Bi)

* 1. Loại tầng phủ bề mặt của sân đỗ, sức chịu tải theo phương pháp PCN/ACN:
* Loại tầng phủ bề mặt của sân đỗ:
* Vị trí số 1 đến số 3: Bê tông nhựa;
* Vị trí số 4 đến số 11: Bê tông xi măng.
* Vị trí số 1A, 1B, 1C, 1D: Bê tông xi măng.
* Sức chịu tải:
* Vị trí số 1 đến số 3: PCN = 33/F/B/X/T;
* Vị trí số 4 đến số 11: PCN = 64/R/B/W/T.
* Vị trí số 1A, 1B, 1C, 1D : Chưa có số liệu.
	1. Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại; vị trí các khu vực bố trí trang thiết bị mặt đất trên sân đỗ, neo chống bão.
		1. Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại:
			1. Đối với tàu bay hạ cánh:
1. Hạ cánh đầu 07:
* Đường CHC quay đầu trên đường lăn N1 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn W4 → Sân đỗ tàu bay, hoặc;
* Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn W4 → Sân đỗ tàu bay.
1. Hạ cánh đầu 25:
* Đường CHC → quay đầu trên đường lăn N7 → Đường CHC → Đường lăn N4 → Đường lăn W4 → Sân đỗ tàu bay.
	+ - 1. Đối với tàu bay cất cánh:
1. Cất cánh đầu 25:
* Sân đỗ tàu bay → Đường lăn W4→ Đường lăn N4 → Đường CHC → quay đầu trên đường lăn N1 → cất cánh.
1. Cất cánh đầu 07:
* Sân đỗ tàu bay → Đường lăn W4 → Đường lăn N4 → Đường CHC → quay đầu trên đường lăn N7 → Cất cánh.

(Phụ lục 08 – Sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất)

* + 1. Vị trí các khu vực bố trí trang thiết bị mặt đất trên sân đỗ, neo chống bão:
1. Vị trí các khu vực bố trí trang thiết bị mặt đất trên sân đỗ:
* Vị trí tập kết số 1: nằm tiếp giáp với đường công vụ A1, phía mũi vị trí đậu tàu bay số 4, số 5;
* Vị trí tập kết số 2: nằm tiếp giáp với đường công vụ A1, A4, phía bên trái vị trí đậu tàu bay số 5;
* Vị trí tập kết số 3: nằm tiếp giáp với đường công vụ A4, A5, phía bên phải vị trí đậu tàu bay số 6;
* Vị trí tập kết số 4: nằm tiếp giáp với đường công vụ A5, bên trái cầu hành khách số 1, phía bên phải vị trí đậu tàu bay số 8;
* Vị trí tập kết số 5: nằm tiếp giáp với đường công vụ A5, bên trái cầu hành khách số 2, phía bên phải vị trí đậu tàu bay số 10;
* Vị trí tập kết số 6: nằm tiếp giáp với đường công vụ A5, phía mũi vị trí đậu tàu bay số 10, số 11;
* Vị trí tập kết số 7: nằm tiếp giáp với đường công vụ A5, A6, phía bên trái vị trí đậu tàu bay số 11;
* Ngoài ra còn vị trí tập kết xe tra nạp nhiên liệu tại sân đỗ ngoại trường gần cổng số 4 và tập kết các Doly tại sân hàng hóa (chân đài KSKL cũ).
1. Vị trí các khu vực bố trí neo chống bão:
* Sân đỗ tàu bay Cảng HKQT Cát Bi hiện có 10 vị trí neo chống bão:
* Vị trí neo số 1: dùng để neo cho tàu bay A320;
* Vị trí neo số 2: dùng để neo cho tàu bay ATR72;
* Vị trí neo số 3: dùng để neo cho tàu bay FOKKER70;
* Vị trí neo số 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11: dùng để neo cho tàu bay A321.

(Phụ lục 20 – Sơ đồ vị trí hố neo chống bão sân đỗ tàu bay Cảng HKQT Cát Bi)

* 1. Quy trình khai thác, phương án cung cấp dịch vụ đối với từng vị trí đỗ:

Phương án vận hành, khai thác sân đỗ tàu bay – Cảng HKQT Cát Bi đã được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận theo Công văn số 5249/CHK-QLC ngày 05/12/2016 và Công văn 1962/CHK-QLC ngày 26/4/2017 về việc chấp thuận điều chỉnh phương án trên.

Phương án vận chuyển hành khách trên sân đỗ tàu bay:

* Đối với tàu bay tại vị trí đỗ số 6, 8, 9: Hành khách sử dụng cầu hành khách để hành khách di chuyển từ tàu bay vào nhà ga và ngược lại.
* Đối với tàu bay tại vị trí đố số 1, 3, 4, 5, 7, 10, 11: Sử dụng xe ô tô chở hành khách từ tàu bay vào nhà ga và ngược lại.
	1. Những hạn chế lưu ý tại sân đỗ:
* Khi khai thác vị trí đỗ số 6 cho tàu bay có sải cánh ≥ 36m: Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ số 7;
* Khi khai thác vị trí đỗ số 7: Không khai thác vị trí số 8; không khai thác đậu máy bay có sải cánh ≥ 36m tại vị trí đậu số 6;
* Khi khai thác vị trí đỗ số 8: Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ số 7 và vị trí đỗ số 9;
* Khi khai thác vị trí đỗ số 9: Không khai thác vị trí số 8.
* Khi khai thác vị trí đỗ số 7 và số 9: Cần cảnh giới khoảng cách an toàn đến đầu mút cánh của máy bay ra vào vị trí đỗ số 6, 7, 8, 9.
* **Vị trí đỗ số 1 và số 3:** Có thể khai thác sử dụng cho tàu bay B737 và tương đương trở xuống (Chiều dài thân <41m, chiều dài sải cánh <36m) trong trường hợp không có cần kéo đẩy. Khi sử dụng phương án cho tàu bay tự vận hành tại vị trí đỗ số 1, số 3 cần lưu ý:

+ Khi khai thác vị trí đỗ số 1 cho tàu bay có sải cánh >30m và <36m: Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đỗ số 2; chỉ được khai thác đỗ tàu bay có sải cánh <30m tại vị trí đỗ số 3.

+ Khi khai thác vị trí đố số 3 cho tàu bay có sải cánh >30m và <36m: Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đố số 4; chỉ được khai thác đỗ tàu bay có sải cánh <30m tại vị trí đỗ số 1.

+ Khi khai thác vị trí đỗ số 3 cho tàu bay có sải cánh >15m và <30m: Không khai thác đỗ tàu bay tại vị trí đố số 4.

* Trong ngày nếu tàu bay đỗ tại vị trí từ 1A đến 1D có kế hoạch lăn ra/vào vị trí từ 1A đến 1D, thì vị trí đỗ tàu bay số 1 hoặc số 2 không được bố trí đỗ tàu bay để sử dụng vệt lăn tại vị trí số 1 hoặc số 2 cho tàu bay lăn ra/vào vị trí số từ 1A đến 1D.
* Trường hợp bố trí vị trí đậu cho tàu bay chuyên cơ, VIP: Bố trí tàu bay tại vị trí đậu số **10**. Trong thời gian tàu bay chuyên cơ đỗ tại sân không khai thác vị trí đậu sô **9, 11**.
* Hot Spot 1: Tàu bay lăn vào/ ra từ vị trí đỗ số 1 đến số 3 trong điều kiện thời tiết xấu hoặc trời tối: Cần chú ý vì vệt lăn chỉ cách lề sân đỗ tàu bay 11,5m.

## Đài kiểm soát không lưu Cát Bi và các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu khác

* 1. Vị trí, chiều cao công trình
* Vị trí: Đặt ngoài khu vực hạn chế của Cảng HKQT Cát Bi, phía Tây nhà ga hành khách
* Chiều cao: 42,9m.
* Tọa độ Đài kiểm soát không lưu:………………
	1. Đài kiểm soát không lưu cung cấp các dịch vụ không lưu sau:
* Dịch vụ điều hành bay;
* ~~Dịch vụ kiểm soát tiếp cận;~~
* ~~Dịch vụ kiểm soát mặt đất;~~
* Dịch vụ kiểm soát tại sân bay;
* Dịch vụ thông báo bay;
* Dịch vụ báo động;
* Dịch vụ thủ tục bay;
* Dịch vụ khí tượng;
* Dịch vụ thông báo tin tức hàng không;
* Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay.
	1. Phạm vi trách nhiệm:
* Phạm vi: Khu vực kiểm soát tại sân bay Cát Bi, bao gồm:
* Phần vùng trời trên không: Vùng trời khu vực sân bay được giới hạn bởi đường tròn bán kính 30km, tâm là điểm có tọa độ 20°49’06’’N 106°43’39’’E (theo hệ WGS-84), giới hạn từ mặt đất/ nước đến và bao gồm độ cao 1500m (so với mực nước biển trung bình), trừ vùng trời khu vực sân bay Kiến An.
* Phần trên khu hoạt động tại sân bay: Đường CHC, đường lăn và sân đỗ.
	1. Thời gian hoạt động: 24/24h.
	2. Giấy phép khai thác:
* Giấy phép Khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo Quyết định số ……./GP-CHK ngày …… của Cục Hàng không Việt Nam

## Thông tin về các thiết bị phù trợ dẫn đường

* 1. Các thiết bị dẫn đường:
		1. Hệ thống đài ILS/DME

ILS/DME được lắp đặt là loại 2 tần số, CAT II (Giấy phép số 1441/GP-CHK cấp ngày 18/4/2018 của Cục Hàng không Việt Nam).

1. Đài Glide Path – GP:
* Loại, ký hiệu:
	+ ~~Mã hiệu: NM7033B~~
	+ Loại máy: Normarc 7033B;
	+ Công suất phát: 8 W;
	+ Tầm phủ: 10 NM;
	+ Năm lắp đặt: 2016.
	+ Nước sản xuất: Nauy
* Vị trí:
	+ Tọa độ (hệ WGS 84): 20048’45,7045”N - 106042’45,0890”E;
	+ Tương đối: Lắp đặt cách tim đường CHC 110m và cách ngưỡng đầu 07 là 330m về phía Nam đường CHC;
* Tần số: 334,4 MHz;
* Chế độ làm việc: 24/24h;
1. Đài Localizer - LLZ:
* Loại, ký hiệu:
	+ Loại máy: Normarc 7013B;
	+ Công suất phát: 25 W;
	+ Tầm phủ: 25 NM;
	+ Năm lắp đặt: 2016.
	+ Nước sản xuất: Nauy
* Vị trí:
	+ Tọa độ (hệ WGS 84): 20°49’18,6309”N - 106°44’22,4932”E;
	+ Tương đối: Lắp đặt cách ngưỡng đường CHC 07: 270m;
* Tần số: 110.1MHz;
* Chế độ làm việc: 24/24h;
1. Đài DME:
* Loại, ký hiệu:
	+ Mã hiệu: ...
	+ Loại máy: DME Fernau 2020;
	+ Công suất phát: 100W;
	+ Tầm phủ: 25 NM;
	+ Năm lắp đặt: 2016.
	+ Nước sản xuất: Anh.
* Vị trí:
	+ Tọa độ (hệ WGS 84): 20°48’45,7045”N - 106°42’45,0890”E;
	+ Tương đối: Lắp đặt cùng vị trí với đài GP;
* Tần số: Kênh CH 38X (Tần số phát 999MHz, Tần số thu 1062MHz);
* Chế độ làm việc: 24/24h;
	+ 1. Đài DVOR/DME: Do Công ty TNHH kỹ thuật Quản lý bay quản lý, khai thác (Giấy phép số 1439/GP-CHK ngày 18/4/2018 của Cục Hàng không Việt Nam).
1. Đài dẫn đường DVOR1150A
* Loại, ký hiệu:
	+ Mã hiệu: ~~CBI~~;
	+ Loại máy: DME Fernau 2020;
	+ Công suất phát: 100W;
	+ Tầm phủ: 300km;
	+ Năm lắp đặt: 2016.
	+ Nước sản xuất: Mỹ.
* Vị trí:
	+ Tọa độ (hệ WGS 84): 20°48’55,7736”N – 106°43’27.8111”E;
	+ Tương đối: Cách tim đường CHC 190m, cách ngưỡng đầu 07 1600m;
* Tần số: 117.4 MHz;
* Chế độ làm việc: 24/24h;
1. Đài đo cự ly DME1119A
* Loại, ký hiệu:
	+ Mã hiệu: ~~CBI~~;
	+ Loại máy: DME Fernau 2020;
	+ Công suất phát: 1000W;
	+ Tầm phủ: 300km;
	+ Năm lắp đặt: 2016.
	+ Nước sản xuất: Mỹ.
* Vị trí:
	+ Tọa độ (hệ WGS 84): 20°48’55,7736”N – 106°43’27.8111”E;
	+ Tương đối: Cách tim đường CHC 190m, cách ngưỡng đầu 07 1600m;
* Tần số: CH 121X (Tần số phát 1208 MHz; tần số thu 1145 MHz);
* Chế độ làm việc: 24/24h;
	1. Thiết bị trợ giúp bằng mắt trong phương thức tiếp cận (Giấy phép số 1442/GP-CHK ngày 18/4/2018 của Cục Hàng không Việt Nam.)
		1. Đèn tiếp cận
1. Loại, ký hiệu:
* Đèn tiếp cận 25: Tiếp cận giản đơn, ký hiệu A5, A6.
* Đèn tiếp cận 07: Tiếp cận CAT II, ký hiệu A1, A2, A3, A4.
1. Vị trí tương đối:
* Đèn tiếp cận 25: Cách thềm 300m. Dãy crossbar 30m cách thềm 150m. Dãy crossbar cách thềm 300.
* Đèn tiếp cận 07: Cách thềm 900m. Dãy crossbar 30m cách thềm 150m. Dãy crossbar 30m cách thềm 300m. 2 dãy đèn side row cách thềm 270m.
1. Chế độ làm việc: Hoạt động 24/24h, điều khiển tại chỗ và từ xa.
	* 1. Đèn chỉ thị góc hạ cánh PAPI
2. Loại, ký hiệu:
* PAPI 25: Gồm 4 hộp đèn, loại 3 bóng, ký hiệu P3.
* PAPI 07: Gồm 4 hộp đèn, loại 3 bóng, ký hiệu P1, P2.
1. Vị trí tương đối:
* PAPI 25: Nằm bên trái đường CHC 25, cách ngưỡng đường CHC 456,97m.
* PAPI 07: Nằm bên trái, bên phải đường CHC 07, cách ngưỡng đường CHC 07 445,11m.
1. Chế độ làm việc: Hoạt động 24/24h, điều khiển tại chỗ và từ xa.
	1. Các hệ thống đèn đường cất hạ cánh, đèn đường lăn, đèn sân đỗ tàu bay
		1. Đèn đường cất hạ cánh:
2. Loại, ký hiệu:
* Đèn ngưỡng đường CHC 25-07, ký hiệu TH.
* Đèn vùng chạm bánh đường CHC 25-07, ký hiệu TDZ.
* Đèn chớp tuần tự 07, ký hiệu SFL.
* Đèn nhận biết ngưỡng đường CHC 25-07, ký hiệu RTIL.
* Đèn cuối đường CHC 25-07, ký hiệu RWE
* Đèn lề đường CHC 25-07, ký hiệu R.
* Đèn tim đường CHC, ký hiệu RC.
1. Vị trí tương đối:
* Đèn ngưỡng đường CHC 25-07: nằm tại 2 đầu đường CHC 25-07, cách ngưỡng đường CHC 3m về hướng tiếp cận.
* Đèn vùng chạm bánh 25-07: nằm cách ngưỡng CHC 07 30m kéo dài về hướng đường CHC, mỗi dãy đèn cách nhau 30m theo chiều dài, tổng chiều dài 900m từ ngưỡng đường CHC 07.
* Đèn chớp tuần tự 07: nằm cách ngưỡng đường CHC 07 300m kéo dài về hướng tiếp cận, mỗi dãy đèn cách nhau 30m theo chiều dài, tổng chiều dài 900m từ ngưỡng đường CHC 07.
* Đèn nhận biết ngưỡng đường CHC 25, 07: được đặt tại các đầu đường CHC, đối xứng qua tim đường CHC và ở ngoài các đèn biên đường CHC khoảng 10m.
* Đèn cuối đường CHC 25-07: nằm tại các ngưỡng đường CHC 25, 07, gồm 06 đèn đối xứng qua tim đường CHC, hướng về đầu đường CHC.
* Đèn lề đường cất hạ cánh 25-07: đặt cách lề CHC 3m, nằm dọc 2 biên đường CHC 25-07, mỗi đèn cách nhau 60m.
* Đèn tim đường cất hạ cánh 25-07: nằm dọc tim đường CHC 25-07, mỗi đèn cách nhau 15m.
1. Chế độ làm việc: Hoạt động 24/24 giờ, điều khiển tại chỗ và từ xa.
	* 1. Đèn đường lăn:
2. Loại, ký hiệu:
* Đèn tim đường lăn, ký hiệu CTL.
* Đèn cạnh đường lăn, ký hiệu TX.
1. Vị trí tương đối:
* Đèn tim đường lăn N1, N4, N7, W4 được đặt các tim các đường lăn là 30cm.
* Đèn cạnh đường lăn N1, N4, N7, W4 được đặt cách lề đường lăn là 3m.
1. Chế độ làm việc: Hoạt động 24/24 giờ, điều khiển tại chỗ và từ xa.
	* 1. Đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay

Hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay có 05 cột đèn:

* 01 cột có 07 bóng đèn, công suất 1000W/bóng, cao 18m;
* 04 cột mỗi cột có 08 bóng đèn, công suất 1000W, cao 32m.
	1. Các hệ thống hỗ trợ và chỉ dẫn khác~~, các hệ thống điều khiển trên đường lăn, sân đỗ tàu bay, bao gồm cả các điểm chờ trước đường cất hạ cánh, các vạch dừng cũng như vị trí và chủng loại thiết bị hướng dẫn bằng mắt.~~
1. Loại, ký hiệu:
* Đèn vạch dừng, ký hiệu STB.
* Hệ thống biển báo khu bay.
* 02 ống gió
1. Vị trí tương đối:
* Đèn vạch dừng đường lăn N1, N4, N7 được đặt cách tim đường CHC là 90m.
* Biển báo chỉ dẫn đường lăn N1, N4, N7, W4 và đường CHC 25-07.
* Có 02 ống gió đặt ở khu vực đầu đường CHC 25-07.
1. Chế độ làm việc: Hoạt động 24/24 giờ, điều khiển tại chỗ và từ xa.
	1. Hệ thống cấp điện dự phòng~~; thời gian chuyển đổi từ điện lưới quốc gia sang nguồn điện dự phòng.~~

- Gồm 04 máy phát điện dự phòng 250KVA đặt tại 02 trạm SS1 và SS2. Hệ thống tự động chuyển đổi khi mất điện lưới.

- Hệ thống lưu điện UPS dự phòng cho trạm SS1. Bộ lưu điện loại 3 pha, tần số 50Hz, kiểu trực tuyến (online) cung cấp nguồn điện liên tục cho phụ tải trong thời gian yêu cầu. Tổng số 02 bộ, công suất 80KVA. Thời gian cung cấp khi mất điện là 30 phút.

- Hệ thống lưu điện UPS dự phòng cho trạm SS2. Bộ lưu điện loại 3 pha, tần số 50Hz, kiểu trực tuyến (online) cung cấp nguồn điện liên tục cho phụ tải trong thời gian yêu cầu. Tổng số 02 bộ, công suất 50KVA. Thời gian cung cấp khi mất điện là 30 phút.

- Thời gian chuyển đổi:

 + Chuyển đổi từ nguồn điện lưới sang nguồn UPS dự phòng theo kiểu trực tuyến (online), thời gian chuyển đổi không quá 1s.

 + Chuyển đổi từ nguồn điện lưới sang máy phát điện dự phòng qua ATS, thời gian chuyển đổi không quá 15 giây.

## Vị trí của các điểm kiểm tra đài VOR tại sân và tần số vô tuyến:

Chưa thiết lập điểm kiểm tra.

## Vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất

Theo Thông tư 34…..sơn kẻ

* 1. Hệ thống sơn kẻ tín hiệu:
1. Sơn tín hiệu trên đường CHC:
* Các khu vực sơn kẻ tín hiệu:
* Chỉ hướng đường CHC
* Tim đường CHC
* Đánh dấu ngưỡng đường CHC
* Đánh dấu vùng chạm bánh
* Cạnh đường CHC
* Sân quay đầu đường CHC
* Khu vực trước ngưỡng đường CHC
* Đóng cửa đường CHC
* Màu sắc của các đường sơn kẻ được thể hiện như sau:
* Màu đỏ: cảnh báo về giới hạn an toàn đối với tàu bay, giới hạn vị trí đỗ, khu vực cấm.
* Màu trắng: đường CHC, đường công vụ, các đường lưu thông kể cả trên các khu vực đỗ xe.
* Màu vàng: kẻ tim và biên đường lăn, đường dẫn vào vị trí đỗ, vị trí tránh mũi tàu bay.
* Màu đen: sơn viền, sơn kẻ tín hiệu đường lăn, đường CHC.
1. Sơn tín hiệu trên đường lăn:
* Tim đường lăn
* Vị trí dừng chờ lên đường CHC
* Vị trí chờ lăn trung gian
* Cạnh đường lăn
* Lề đường lăn
* Đóng cửa đường lăn
* Chỉ dẫn bắt buộc
* Chỉ dẫn thông tin:
* Biển bảo chỉ hướng trên bề mặt đường lăn
* Biển báo vị trí trên bề mặt đường lăn
1. Sơn tín hiệu trên sân đỗ:
* Vệt dẫn lăn
* Vệt dẫn đẩy cho tàu bay bằng xe kéo đẩy
* Đường giới hạn sân đỗ tàu bay
* Nhận dạng đến vị trí đỗ tàu bay
* Vị trí đỗ tàu bay
* Dừng bánh mũi và số hiệu loại tàu bay khai thác
* Giới hạn an toàn vị trí đỗ của tàu bay
* Khu vực giới hạn di chuyển cầu hành khách
* Khu vực tập kết trang thiết bị mặt đất
* Đường công vụ cho các phương tiện mặt đất và tín hiệu dừng chờ tàu bay
	1. Hệ thống biển báo khu bay. (**theo TCCS 14…)**
1. Hệ thống biển báo bắt buộc
* Biển báo số hiệu đường CHC
* Biển báo vị trí chờ lên đường CHC
* Biển báo vị trí chờ trên đường CHC
* Biển báo cấm vào
1. Hệ thống biển báo chỉ dẫn
* Biển báo chỉ hướng
* Biển báo vị trí
* Biển báo đích đến
* Biển báo lối ra đường CHC
* Biển báo đường CHC trống
* Biển báo chỉ vị trí đỗ tàu bay
	1. Hệ thống dẫn đỗ tự động - VDGS: Không.

Cảng HKQT Cát Bi không có hệ thống dẫn đỗ tự động – VDGS.

(Phụ lục 17 – Sơ đồ hệ thống biển báo khu bay, sơn kẻ tín hiệu đường CHC).

## Vị trí và cao độ các điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay

Cảng HKQT Cát Bi không bố trí điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay.

## Hệ thống đường giao thông trong khu bay

* 1. Hệ thống đường công vụ trên sân đỗ tàu bay:

Có 07 đường công vụ được đánh số từ A1 – A7

1. Đường công vụ A1, A5:
* Tên: A1, A5
* Vị trí:
* ~~Đường công vụ~~ A1: tiếp giáp nhà ga hành khách cũ, phía trước các vị trí đậu tàu bay số 1, 2, 3, 4, 5 và kết nối với các đường công vụ A2, A4, A5.
* ~~Đường công vụ~~ A5: tiếp giáp nhà ga hành khách, phía trước các vị trí đỗ tàu bay số 6, 7, 8, 9, 10, 11 và kết nối với các đường công vụ A1, A4, A6.
* Kích thước: chiều rộng điển hình 10,3m
* Kết cấu đường giao thông: mặt đường bê tông nhựa.
* Giới hạn tải trọng của phương tiện được phép hoạt động:
1. Đường công vụ A2:
* Tên: A2
* Vị trí: ~~Đường công vụ A2,~~ phía Đông sân đỗ tàu bay, bên cạnh vị trí đỗ tàu bay số 1 và kết nối với các đường công vụ A1, A3.
* Kích thước: chiều rộng điển hình 6m
* Kết cấu đường giao thông: mặt đường bê tông nhựa, PCN=33/F/B/X/T.
* Giới hạn tải trọng của phương tiện được phép hoạt động: ...
1. Đường công vụ A3
* Tên: A3
* Vị trí: ~~Đường công vụ A3,~~ phía Nam sân đỗ tàu bay, phía sau các vị trí đỗ tàu bay số 1, 2, 3, 4, 5 và kết nối với đường công vụ A2, A4, A7.
* Kích thước: chiều rộng điển hình 8m
* Kết cấu đường giao thông: 1/2 mặt đường bê tông nhựa, 1/2 mặt đường bê tông xi măng, PCN=64/R/B/W/T
* Giới hạn tải trọng của phương tiện được phép hoạt động:
1. Đường công vụ A4, A7
* Tên: A4, A7
* Vị trí:
* ~~Đường công vụ~~ A4: nằm giữa vị trí đỗ tàu bay số 5, 6 và kết nối với các đường công vụ A1, A3, A5, A7.
* ~~Đường công vụ~~ A7: phía Nam sân đỗ tàu bay, phía sau các vị trí đỗ tàu bay số 6, 7, 8, 9, 10, 11 và kết nối với các đường công vụ A3, A4, A6.
* Kích thước: chiều rộng điển hình 8m
* Kết cấu đường giao thông: mặt đường bê tông xi măng, PCN=64/R/B/W/T.
* Giới hạn tải trọng của phương tiện được phép hoạt động: có thể chịu tải trọng cất cánh tối đa của tàu bay B777-200LR hoặc tương đương.
1. Đường công vụ A6
* Tên: A6
* Vị trí: ~~Đường công vụ~~ A6: phía Tây sân đỗ tàu bay, bên cạnh vị trí đỗ tàu bay số 11 và kết nối với các đường công vụ A5, A7.
* Kích thước: chiều rộng điển hình 8m
* Kết cấu đường giao thông: mặt đường bê tông nhựa.
* Giới hạn tải trọng của phương tiện được phép hoạt động: ...

 (Phụ lục 08 - Sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất - Cảng HKQT Cát Bi).

* 1. Hệ thống đường công vụ trong khu bay:
* Tên: Đường tuần tra.
* Vị trí: phía Nam, cách tim đường CHC khoảng 100m, phía trong hàng rào khu bay.
* Kích thước: chiều dài khoảng 3.200m, chiều rộng 05m.
* Kết cấu đường giao thông: mặt đường đất nện.
* Giới hạn tải trọng của phương tiện được phép hoạt động: ...
* ~~Việc tuần tra khu bay sử dụng đường mòn ở phía Nam, song song với đường CHC, phía trong hàng rào khu bay.~~
* ~~Đường mòn: bằng đất nện; kích thước: chiều dài khoảng 3.200m, chiều rộng 05m.~~

(Phụ lục 15 – Sơ đồ bố trí các điểm kiểm soát an ninh, đường giao thông trong khu bay Cảng HKQT Cát Bi)

## Hạ tầng bảo vệ môi trường

* 1. Hệ thống thu gom, lưu trữ chất thải rắn
* Vị trí: Tại khu nhà kỹ thuật ME phía Đông của nhà ga hành khách.
* Quy mô: Trang bị các thùng rác loại 120 lít, xe chứa rác loại 400 lít.
	1. Hệ thống thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại
* Vị trí: Nằm trong nhà thu gom, lưu trữ chất thải rắn phía Đông của nhà ga hành khách.
* Quy mô: bố trí khu vực riêng biệt, dung tích khoảng 2.250 lít.
	1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải lỏng
1. Sinh hoạt nhà ga:
* Vị trí: Tại khu nhà kỹ thuật ME phía Đông của nhà ga hành khách.
* Quy mô - công suất: 250m3/ ngày đêm.
1. Nước thải tàu bay:
* Vị trí: nằm về phía Đông, gần khu vực xử lý hàng hóa (nhà ga cũ)
* Quy mô: bể chứa có dung tích khoảng 3.750 lít.

## Hạ tầng tra nạp nhiên liệu ~~ngầm~~ cho tàu bay

* 1. Hạ tầng tra nạp nhiên liệu ngầm: Không.
	2. Hạ tầng tra nạp nhiên liệu nổi:
1. Đơn vị cung cấp:
* Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không tại Hải Phòng.
* Chi nhánh tại Cát Bi – Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex.
1. Trang thiết bị:
* Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không tại Hải Phòng.
* Cung cấp nhiên liệu hàng không Jet A-1;
* Kho gồm 03 bể chứa (50m3/bể).
* Xe tra nạp xăng dầu: 02 xe loại 5.000 gallon.
* Chi nhánh tại Cát Bi – Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex.
* Cung cấp nhiên liệu hàng không Jet A-1;
* Kho gồm 03 bể chứa (02 bể loại 150m3/bể, 01 bể loại 50m3/bể)
* Xe tra nạp xăng dầu: 02 xe loại 5.000 gallon.

## Hệ thống cấp điện trong khu bay

* 1. Hệ thống cấp điện nguồn thường xuyên:

Sử dụng nguồn điện lưới 22KV của Điện Lực Hải Phòng thông qua 02 máy biến áp 320KVA đặt tại 02 trạm SS1 và SS2.

* 1. Hệ thống cấp điện dự phòng:
* Gồm 04 máy phát điện dự phòng 250KVA đặt tại 02 trạm SS1 và SS2. Hệ thống tự động chuyển đổi khi mất điện lưới.
* Hệ thống lưu điện UPS dự phòng cho trạm SS1. Bộ lưu điện loại 3 pha, tần số 50Hz, kiểu trực tuyến (online) cung cấp nguồn điện liên tục cho phụ tải trong thời gian yêu cầu. Tổng số 02 bộ, công suất 80KVA. Thời gian cung cấp khi mất điện là 30 phút.
* Hệ thống lưu điện UPS dự phòng cho trạm SS2. Bộ lưu điện loại 3 pha, tần số 50Hz, kiểu trực tuyến (online) cung cấp nguồn điện liên tục cho phụ tải trong thời gian yêu cầu. Tổng số 02 bộ, công suất 50KVA. Thời gian cung cấp khi mất điện là 30 phút.
	1. Chế độ chuyển đổi:
* Chuyển đổi từ nguồn điện lưới sang nguồn UPS dự phòng theo kiểu trực tuyến (online), thời gian chuyển đổi không quá 1s.
* Chuyển đổi từ nguồn điện lưới sang máy phát điện dự phòng qua ATS, thời gian chuyển đổi không quá 15 giây.

## Hệ thống cấp, thoát nước trong khu bay

* 1. Hệ thống cấp nước sạch sử dụng tại khu bay, quy định kiểm tra chất lượng nước
* Nguồn nước lấy từ hệ thống nước cấp thành phố cấp trực tiếp cho các trạm SS1, SS2.
* Chất lượng nước theo tiêu chuẩn nước sinh hoạt của thành phố.
	1. Hệ thống thoát nước
* Hệ thống thoát nước khu bay: Hệ thống mương thoát nước khu bay là mương hở có tổng chiều dài khoảng 8.058m bao quanh đường cất hạ cánh. Mặt mương rộng trung bình là 5m.
* Các điểm kết nối giữa hệ thống thoát nước cảng hàng không với hệ thống thoát nước của địa phương: Đoạn mương khu vực đầu 25 thông với hệ thống thoát nước của thành phố, đoạn mương khu vực đầu 07 thông với sông cầu Rào. Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình phục vụ hành khách, nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên (sau khi qua trạm xử lý nước thải), nước mưa được thu gom qua hệ thống ga thoát nước và chảy ra mương thoát nước của sân bay.
* Công suất thiết kế của hệ thống thoát nước đáp ứng với lượng mưa cao nhất: Công suất hệ thống thoát nước hiện hữu đáp ứng lượng mưa cao nhất khoảng 350.000 m3/ngày.

(Phụ lục 16 – Sơ đồ thoát nước khu bay Cảng HKQT Cát Bi)

## Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không

* 1. Hàng rào vành đai, hàng rào an ninh sân bay:
1. Hệ thống hàng rào khu bay Cảng HKQT Cát Bi:

Hệ thống hàng rào bảo vệ khu bay được khép kín có tổng chiều dài 8.545m gồm:

* Hàng rào có chân xây bằng tường gạch cao 60cm, bên trên là lưới kẽm B40, phần ngọn là dây kẽm gai đơn nghiêng 45 độ hướng ra phía ngoài, tổng chiều cao 2,5m; bao quanh sân quay đầu 25: 1.278m;
* Hàng rào kẽm gai loại 1, cao 2,5m; đầu tuyến phía tây đầu 07: 384m;
* Đoạn phía Nam đường CHC: Tổng chiều dài 3.555m; từ bốt gác số 1 đến bốt gác số 4. Độ cao hàng rào chưa đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 01; Lý do: theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Mục 3 Phụ lục 01 Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ thì chỉ được phép làm hàng rào độ cao tối đa 1,5m để đảm bảo an toàn tĩnh không sườn và ảnh hưởng mặt phản xạ của Đài Glide Path. Cụ thể:
* Hàng rào kẽm gai loại 2 (hàng rào bùng nhùng), cao 1,5m: chiều dài 2.375m.
* Hàng rào kẽm gai loại 4 (hàng rào bùng nhùng), cao 1,2m: chiều dài 380m.
* Hàng rào kẽm gai loại 3 (hàng rào bùng nhùng), cao 0,87m, bao quanh khu vực đài GP, chiều dài: 800m.
* Đoạn phía Bắc đường CHC: chiều dài khoảng 3.328m. Cụ thể:
* Hàng rào kẽm gai loại 2 (hàng rào bùng nhùng), cao 1,5m: chiều dài 2.688m.
* Hàng rào kẽm gai loại 4 (hàng rào bùng nhùng), cao 1,2m: chiều dài khoảng 350m.
* Hàng rào hỗn hợp loại 1 (tường xây, trụ thép lưới thép, lưới B40…) ngăn cách khu vực sân đỗ tàu bay với khu vực công cộng bên ngoài, chiều cao 2,5m. Tổng chiều dài: 290m.
1. Hàng rào ranh giới khu vực công cộng Cảng hàng không với khu vực bên ngoài, có tổng chiều dài: 803m, cụ thể:
* Hàng rào ranh giới đất từ đài Kiểm soát không lưu Cát Bi đến tường rào của Công ty Tân Cảng; hàng rào loại 2, lưới théo hàn mạ kẽm cao 2,5m; tổng chiều dài: 474m.
* Hàng rào ngăn cách khu vực công cộng Cảng hàng không với đoạn đường Lê Hồng Phong ; hàng rào loại 3, thép mạ kẽm cao 0,95m, tổng chiều dài: 329m.
* Hàng rào ngăn cách khu vực sân đỗ ô tô số 3 với khu vực bên ngoài (đầu đường Lê Hồng Phong, khu đất trống Hải Quân, hồ nước Hải Quân…) là hàng rào hỗn hợp (tường xây, dây kẽm gai…) cao 2,5m; tổng chiều dài 270m.
	1. Vọng gác, đường tuần tra, cổng, thanh chắn ~~(barrier),~~ cửa tại Cảng HKQT Cát Bi
		1. Vọng gác: Cảng HKQT Cát Bi bố trí 05 bốt gác an ninh trong khu bay, được đặt tên số: 01, 02, 03, 04, 05.
* Bốt gác số 01: phía Nam đầu đường CHC 25;
* Bốt gác số 02: phía Nam đường CHC (gần khu vực đài VOR/DME);
* Bốt gác số 03: phía Nam đường CHC (gần khu vực đài ILS);
* Bốt gác số 04: phía Nam đường CHC (gần đường bao Đông - Nam);
* Bốt gác số 05: phía Tây sân đỗ tàu bay (đối diện đường lăn N4);
	+ 1. Hệ thống đường tuần tra:
* Công tác tuần tra kiểm soát an ninh an toàn khu bay được thực hiện trên đường công vụ phía Nam của đường CHC (đường đất nện, chiều rộng 05m); trên đường CHC, đường lăn.
	+ 1. Hệ thống cổng, cửa ra/vào, thanh chắn khu vực hạn chế Cảng HKQT Cát Bi:
* Nhà ga hành khách:
* Trạm thu phí: Phương tiện ô tô vào/ra khu vực nhà ga hành khách Cảng HKQT Cát Bi. Tại trạm thu phí, bố trí nhân viên kiểm soát an ninh trực 24/7 giờ/ngày.
* Cổng số 1, 2: Hành khách đi tàu bay, người đón tiễn sử dụng phương tiện xe mô tô, xe máy; phương tiện của cán bộ, công nhân viên; phương tiện nhận, trả hàng hóa. Tại cổng số 1 bố trí nhân viên kiểm soát an ninh trực 24/7 giờ/ngày.
* Cổng số 3: Ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực sân đỗ tàu bay; sử dụng trong tình huống khẩn nguy.
* Cổng số 4: Ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực sân đỗ tàu bay; sử dụng trong tình huống khẩn nguy và phương tiện tra nạp nhiên liệu vào/ra vào khu vực hạn chế.
* Cổng số 5: Ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực sân đỗ tàu bay; có chốt kiểm tra an ninh, phục vụ các loại phương tiện được cấp phép vào/ra khu vực hạn chế; tại cổng số 5 bố trí nhân viên kiểm soát an ninh trực 24/7 giờ/ngày.
* Cổng số 6: Ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực sân đỗ tàu bay; phục vụ các loại phương tiện được cấp phép vào/ra đưa đón khách VIP; bố trí nhân viên kiểm soát an ninh trong thời gian phục vụ khách VIP.
* Khu bay:

Có 04 cổng từ bên ngoài khu vực vành đai vào khu bay, tại các vị trí:

* Cổng số 1: phía Nam đường CHC 25, cạnh bốt gác số 1;
* Cổng số 2: phía Nam đường CHC (khoảng giữa bốt gác số 2, 3), ra/vào đài DVOR/DME;
* Cổng số 3: phía Nam đường CHC, cạnh bốt gác số 3;
* Cổng số 4: phía Tây đường CHC 07, cách bốt gác số 4 khoảng 50m (đèn tiếp cận đường CHC 07);
* Cổng số 5: phía Bắc đường CHC 07, cách trạm SS1 khoảng 400m.

Mục đích: thay ca các bốt gác, công tác khẩn nguy; khóa 24/7, nhân viên ANHK tại các bốt gác giữ chìa khóa và kiểm soát an ninh tại các cổng. Các đối tượng khác khi có nhu cầu ra/vào phục vụ thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình trong khu bay phải có kế hoạch được lãnh đạo Cảng phê duyệt, có thẻ kiểm soát an ninh, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân viên ANHK trong suốt quá trình làm việc.

(Phụ lục 15 - Sơ đồ bố trí các điểm kiểm soát an ninh khu bay – Cảng HKQT Cát Bi)

## Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại Cảng HKQT Cát Bi

* 1. Trạm cứu hỏa
* Số lượng: 01 trạm cứu hỏa.
* Tên trạm cứu hỏa: Trạm cứu hỏa sân bay.
* Vị trí: Nằm ở vị trí phía Đông nhà ga hành khách.
* Quy mô: diện tích 156m2, bố trí 03 xe cứu hỏa.
* Sơ đồ vị trí trạm cứu hỏa: Tham chiếu sơ đồ mặt bằng hiện trạng của Cảng hàng không quốc tế Cát Bi.
	1. Phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác khẩn nguy; dung tích nước, foam, bột khô.
* Phương tiện:

+ Xe cứu hỏa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông số kỹ thuật** | **Xe Titan** | **Xe Ziegler** | **Xe Rosenbauer****Model Panther 6x6 CA5** |
| 1 | Năm sản xuất | 1997 | 2013 | 2016 |
| 2 | Kích thước |  |  |  |
| Dài | 9,2m | 7,4m | 12m |
| Rộng | 2,9m | 2,5m | 3m |
| Cao | 3,6m | 4,01m | 3,65m |
| 3 | Dung tích nước | 5.678L | 5.500L | 12.600L |
| 4 | Dung tích FOAM | 757L | 250L | 1.600L |
| 5 | Bột chữa cháy | 250Kg | 250Kg | 250Kg |
| 6 | Máy cưa | 01 | 01 | 01 |
| Kìm thuỷ lực | 01 | 01 | 01 |
| Quần áo chữa cháy | 05 | 05 | 05 |
| Bình khi ô xy | 04 | 04 | 05 |

+ Xe cứu thương: 01 chiếc, hiệu Hyundai H-1 Starex 2.5MT;

* Trang thiết bị phục vụ công tác khẩn nguy cứu nạn:

| **TT** | **Tên thiết bị** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Hạn sử dụng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| 1 | Máy nổ xách tay | Cái | 01 |  |  |
| 2 | Máy bơm cơ động | Cái | 01 |  |  |
| 3 | Đèn pha cơ động | Cái | 02 |  |  |
| 4 | Nhà bạt | Cái | 03 |  |  |
| 5 | Áo phao | Cái | 40 |  |  |
| 6 | Phao tròn cứu sinh | Cái | 150 |  |  |
| 7 | Vali cấp cứu | Cái | 01 |  |  |
| 8 | Cáng đẩy | Cái  | 01 |  |  |
| 9 | Nẹp gỗ | Cái | … |  |  |

* Nguồn nước chữa cháy:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn nước** | **Trữ lượng (m3) hoặc lưu lượng (l/s)** | **Vị trí, khoảng cách nguồn nước (m)** | **Những điểm** **cần lưu ý** |
| - | Nguồn nước chính |
| 1 | Bể nước chữa cháy | 1.095m3 | Bể nước được liên thông với Hệ thống bơm nước chữa cháy nhà ga | Xe chữa cháy tiếp cận được dễ dàng |
| 2 | Trụ chữa cháy ngoài nhà | 08 trụ, lưu lượng mỗi họng 6,5l/s | 08 trụ cấp nước chữa cháy 65 được lắp đặt ngoài nhà ga | Có thể sử dụng máy bơm, hệ thống vòi lấy nước |
| - | Nguồn nước dự phòng |
| 3 | Hồ nước | ≈ 5.000m3 | Trước nhà ga cũ | Có 02 bến để xe chữa cháy hút nước |
| 4 | Trụ nước chữa cháy thành phố | 14l/s | Cách cổng số 2 nhà ga hàng hóa khoảng 30m | Xe chữa cháy hút nước trực tiếp từ họng |

* 1. Hệ thống đường phục vụ công tác khẩn nguy:

 Tham chiếu tại Chương II, Mục 11 của Phụ lục 1A Kế hoạch khẩn nguy sân bay - Cảng HKQT Cát Bi.

* 1. Hầm xử lý bom, mìn, vị trí đỗ biệt lập
* Cảng HKQT Cát Bi bố trí 01 vị trí xử lý bom mìn và vật phẩm nguy hiểm nằm cách nhà ga hành khách khoảng 500m về phía Đông-Nam, cách mép sân đỗ tàu bay khoảng 100m phía Đông.
* Vị trí đỗ cách ly cho tàu bay (sân đỗ biệt lập) được sử dụng trong tình huống tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp trên đường lăn N7.

(Phụ lục 18 – Sơ đồ vị trí đỗ biệt lập, hố xử lý bom mìn)

* 1. Trung tâm ~~Hiệp đồng~~ khẩn nguy sân bay
* ~~Thực hiện theo các quy định tại Kế hoạch khẩn nguy Cảng HKQT Cát Bi đã Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số: 731/QĐ-CHK ngày 11/05/2016 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.~~
* ~~Tham chiếu mục 1 – Trung tâm khẩn nguy cảng hàng không, sân bay, Chương II – Tổ chức công tác khẩn nguy, Phụ lục 1A – Kế hoạch khẩn nguy của Tài liệu này.~~
* Vị trí: Tầng 1 ga đến nội địa – nhà ga hành khách Cảng HKQT Cát Bi
* Diện tích:
* Hệ thống trang thiết bị: Tham chiếu tại Chương II, Mục 1 của Phụ lục 1A Kế hoạch khẩn nguy sân bay - Cảng HKQT Cát Bi.
* Cơ chế làm việc của trung tâm khẩn nguy, số điện thoại trực khẩn nguy sân bay.

+ Trung tâm khẩn nguy làm việc theo công tác kiêm nhiệm.

+ Số điện thoại trực khẩn nguy sân bay: 0225.3976.216 – 1133.

## Hệ thống chiếu sáng

* 1. Hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay có 05 cột đèn:
* 01 cột có 07 bóng đèn, công suất 1000W/bóng, cao 18m;
* 04 cột mỗi cột có 08 bóng đèn, công suất 1000W, cao 32m.

(Phụ lục 21 - Sơ đồ bố trí các trụ đèn chiếu sáng trên sân đỗ tàu bay – Cảng HKQT Cát Bi)

* 1. Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra/ vào:
* Hệ thống chiếu sáng hàng rào: Chưa có
* Hệ thống chiếu sáng các cổng ra vào: Loại bóng đèn SONT 250W.
	1. Nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng:
* 02 máy phát điện, công suất 250kVA cấp điện dự phòng cho cột đèn CS0
* 02 máy phát điện, công suất 1500kVA cấp điện dự phòng cho 04 cột đèn CS1, CS2, CS3, CS4.

## Các dịch vụ hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Loại hình, năng lực dịch vụ** | **Địa chỉ** | **Số điện thoại** |
| A | Cảng HKQT Cát Bi | 1. Dịch vụ khai thác khu baya) Loại hình- Cắt cỏ khu bay- Nạo vét mương thoát nước khu bay- San gạt lề bảo hiểm- Kiểm tra, vệ sinh bề mặt đường CHC, đường lăn, sân đỗ- Sơn kẻ tín hiệu đường CHC, đường lăn, sân đỗb) Năng lực: Đảm bảo khai thác, bảo trì, bảo dưỡng không ảnh hướng đến hoạt động bay. | Đường Lê Hồng Phong, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng | 0225.3976.408Tổng đài: 0225.3273.986Hotline: 0969.279.292 |
| 2. Dịch vụ đảm bảo hoạt động baya) Loại hình:- Dịch vụ dẫn đường (Các đài dẫn đường ILS/DME)- Dịch vụ bảo đảm đèn tín hiệu- Dịch vụ khẩn nguy tại sân bayb) Năng lực: Đảm bảo cung cấp các dịch vụ do Cục Hàng không Việt Nam cấp phép khai thác, cung cấp dịch vụ. |
| 3. Dịch vụ đảm bảo an ninh hàng khônga) Loại hình:- Dịch vụ canh gác tàu bay, canh gác khu bay;- Dịch vụ áp tải hành lý, hàng hóa;- Dịch vụ an ninh hàng không khác;b) Năng lực: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ đảm bảo an ninh hàng không. |
| 4. Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất:a) Loại hình:- Dịch vụ phục vụ sân đỗ:+ Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật thương mại tại sân đỗ với các chủng loại trang thiết bị hàng không chuyên dùng hiện đại cho các chuyến bay chở khách, hàng hóa:+ Kéo đẩy tàu bay;+ Chất và dỡ hàng hóa, hành lý, bưu kiện;+ Cung cấp thiết bị kỹ thuật (Máy khởi động khí, thiết bị lạnh, thiết bị cấp điện …);+ Cung cấp thiết bị vệ sinh máy bay;+ Thực hiện kiểm định kỹ thuật và an toàn trang thiết bị phục vụ sân đỗ;- Dịch vụ vệ sinh khoang máy bay.- Cung cấp nước sạch lên máy bay.- Các dịch vụ khác theo yêu cầu của hãng hàng không.b) Năng lực: Đảm bảo cung cấp các dịch vụ phục vụ mặt đất cho các hãng hàng không có nhu cầu sử dụng. |
| B | Đài Kiểm soát không lưu Cát Bi –Công ty Quản lý bay miền Bắc  | 1. Dịch vụ bảo đảm hoạt động baya) Loại hình:- Dịch vụ kiểm soát tại sân bay, Dịch vụ thông báo bay, Dịch vụ báo động; Dịch vụ thông tin;- Dịch vụ thủ tục bay, thông báo tin tức hàng không tại sân bay;- Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay.- Dịch vụ khí tượng hàng không tại sân bay;b) Năng lực: Đảm bảo cung cấp các dịch vụ do Cục Hàng không Việt Nam cấp phép khai thác, cung cấp dịch vụ. | Cảng HKQT Cát Bi – Đường Lê Hồng Phong, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng | 0225.3976.9100225.3273.0980225.3273.0980225.3977.882 |
| C | Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay ATTECH | 1. Dịch vụ bảo đảm hoạt động baya) Loại hình:- Dịch vụ dẫn đường (Các đài dẫn đường DVOR/DME).b) Năng lực cung cấp: Đảm bảo cung cấp các dịch vụ do Cục Hàng không Việt Nam cấp phép khai thác, cung cấp dịch vụ. | Số 5/200 Đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội | 024.3827.1914Fax: 024.3873.0398 |
| D | Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam tại Hải Phòng | 1. Dịch vụ cung cấp nhiên liệu:a) Loại hình:- Cung cấp nhiên liệu hàng không Jet A-1.b) Năng lực: Đảm bảo cung cấp nhiên liệu cho tàu bay của các hãng hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi có khả năng tiếp nhận. | Bổ sung | 0225.3976.255 |
| E | Chi nhánh tại Cát Bi – Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex | 1. Dịch vụ cung cấp nhiên liệu:a) Loại hình:- Cung cấp nhiên liệu hàng không Jet A-1.b) Năng lực: Đảm bảo cung cấp nhiên liệu cho tàu bay của các hãng hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi có khả năng tiếp nhận. | Số 960 Đường Ngô Gia Tự, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng | 0225.3899.5820225.3899.526Fax: 0225.3899.589 |
| F | Công ty TNHH Kỹ thuật máy bay VAECO | 1. Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất:a) Loại hình:- Dịch vụ thông thoại và kiểm tra tàu bay.b) Năng lực:Đảm bảo cung cấp các dịch vụ do Cục Hàng không Việt Nam cấp phép khai thác, cung cấp dịch vụ. | Cảng HKQT Nội Bài - Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội | 024.3884.9657Fax: 024.3886.5532 |
| G | Tổ bảo dưỡng kỹ thuật ngoại trường VietJet Air | 1. Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất:a) Loại hình:- Dịch vụ thông thoại và kiểm tra tàu bay.b) Năng lực: Đảm bảo cung cấp các dịch vụ do Cục Hàng không Việt Nam cấp phép khai thác, cung cấp dịch vụ. | Cảng HKQT Cát Bi – Đường Lê Hồng Phong, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng |  |
| H | Công ty Cổ phần suất ăn hàng không VINACS | 1. Dịch vụ cung cấp suất ăna) Loại hình:- Suất ăn hàng khôngb) Năng lực: Đảm bảo có khả năng cung cấp suất ăn cho các Hãng hàng không đi/ đến Cát Bi có nhu cầu sử dụng dịch vụ | Cảng HKQT Cát Bi – Đường Lê Hồng Phong, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng | 088.880.6988088.839.8585024.3885.3885 |

## Các thông tin đặc biệt cần lưu ý

Sân quay đầu đường CHC 07 không sử dụng cho khai thác loại tàu bay code E.

## Danh mục không đáp ứng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung không đáp ứng** | **Tham chiếu các tiêu chuẩn/ quy định hiện hành** | **Đánh giá****rủi ro** | **Biện pháp phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn khai thác** | **Thời hạn khắc phục** | **Ghi chú** |
| 1 | Đường công vụ trong khu bay chưa khép kín (…km ĐCV phía Nam đường CHC) | ANNEX 14 | Khó khăn trong công tác kiểm tra khu bay | Tăng cường kiểm tra quan sát, phối hợp với các cơ quan đơn vị và chính quyền địa phương….. | Chưa xác định  |  |
| 2 | Chưa có hệ thống chiếu sáng và camera giám sát hàng rào an ninh | ANNEX 14 | Khó phát hiện xâm nhập ban đêm | Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát của lực lượng ANHK | Chưa xác định |  |
| 3 | Chướng ngại vật vi phạm tĩnh không sân bay đầu đường CHC 25 | ANNEX 14 | Làm hạn chế khai thác sân bay | Đã xây dựng các phương thức tiếp cận cất hạ cánh phù hợp |  | Cự ly phương vị |
| 4 | Chướng ngại vật vi phạm tĩnh không sườn phía Nam đường CHC | ANNEX 14 | Không đáp ứng tiêu chuẩn về chiều rộng dải bay theo quy định của ICAO | Thông báo đến các cơ quan có liên quan trong công tác điều hành bay | Chưa xác định |  |
| 5 | Đường lăn tắt, đường lăn song song chưa hoàn thiện | ANNEX 14 | Làm hạn chế khai thác sân bay | Bổ sung xây dựng trong các giai đoạn mở rộng tiếp theo | Chưa xác định |  |
| 6 | Chưa công bố RESA | ANNEX 14 |  |  | Chưa xác định |  |
| 7 | Bản đồ tiếng ồn | Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 |  |  | Chưa xác định |  |
|  | Chưa có thiết bị đo độ ma sát của đường CHC. | 9.4.5 Annex 14 | Chưa kiểm soát được định lượng độ nhám bề mặt đường CHC, đường lăn | + Kết hợp cùng đợt đo độ nhám đường CHC của Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất + Thuê đơn vị có thiết bị hợp chuẩn và có được phép đo tham số này. | Theo kế hoạch chung của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP  |  |

# CHƯƠNG IV

# QUY TRÌNH VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN KHAI THÁC TRONG KHU BAY

## Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

* 1. Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay
1. ~~Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay do Công ty Quản lý bay miền Bắc cung cấp:~~ Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tài liệu** | **Số QĐ-Cấp phê duyệt** | **Ngày ban hành** |
| 1 | Công ty Quản lý bay miền Bắc |  |  |
| - | Tài liệu hướng dẫn khai thác Đài Kiểm soát Không lưu Cát Bi | Bổ sung | Bổ sung |
| - | Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở thủ tục bay, thông báo tin tức hàng không và đánh tín hiệu tàu bay tại sân bay Cát Bi | Bổ sung | Bổ sung |
| - | Dịch vụ khí tượng hàng không tại sân bay | Bổ sung | Bổ sung |
| 2 | Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay |  |  |
| - | Tài liệu khai thác; tài liệu bảo dưỡng định kỳ hệ thống đài dẫn đường VOR/DME | Bổ sung | Bổ sung |

* ~~Quy trình khai thác, cung cấp~~~~Dịch vụ kiểm soát tại sân bay, Dịch vụ thông báo bay, Dịch vụ báo động; Dịch vụ thông tin: Theo Tài liệu hướng dẫn khai thác Đài Kiểm soát Không lưu Cát Bi.~~
* ~~Quy trình khai thác, cung cấp Dịch vụ thủ tục bay, thông báo tin tức hàng không tại sân bay; Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay: Theo Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở thủ tục bay, thông báo tin tức hàng không và đánh tín hiệu tàu bay tại sân bay Cát Bi.~~
* ~~Quy trình khai thác, cung cấp Dịch vụ khí tượng hàng không tại sân bay.~~
1. ~~Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay trong khu vực sân bay Cát Bi do Cảng HKQT Cát Bi cung cấp:~~

Cảng HKQT Cát Bi - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP:

Danh mục tài liệu khai thác, bảo dưỡng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tài liệu** | **Số QĐ-Cấp phê duyệt** | **Ngày ban hành** |
| 1 | Tài liệu khai thác; tài liệu bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu hàng không và biển báo tại Cảng HKQT Cát Bi | 201/QĐ-TCTCHKVN  | 25/4/2016 |
| 2 | Tài liệu khai thác; tài liệu bảo dưỡng định kỳ đài đo cự ly bằng vô tuyến DME FERNAU 2020 tại Cảng HKQT Cát Bi | 203/QĐ-TCTCHKVN | 25/4/2016 |
| 3 | Tài liệu khai thác; tài liệu bảo dưỡng định kỳ hệ thống hạ cánh bằng thiết bị ILS NORMARC 7013B/7033B tại Cảng HKQT Cát Bi | 204/QĐ-TCTCHKVN | 25/4/2016 |

Thực hiện theo các văn bản sau:

* Văn bản hiệp đồng bảo đảm hoạt động bay giữa Cảng HKQT Cát Bi và Công ty QLB miền Bắc.
* Văn bản hiệp đồng bảo đảm cung cấp dịch vụ đèn hiệu và dẫn đường vô tuyến Cảng HKQT Cát Bi và Công ty QLB miền Bắc.
	1. Tên, chức vụ và số điện thoại (24/24 giờ) của người chịu trách nhiệm theo dõi, ghi nhận các thay đổi về tin tức hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi:
	+ Ông
	+ Điện thoại:
	+ Di động:; Fax:
	+ E-mail:.
	1. Địa chỉ và số điện thoại (24/24 giờ) của cơ quan thuộc Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận các tin tức hàng không
* Ông Nguyễn Thế Hưng – Trưởng phòng Quản lý hoạt động bay
* Điện thoại: +84 24 3827 4191, +84 24 3827 1513 ext. 4648
* Điện thoại di động: +84 93 670 0729, Fax: +84 24 3827 4194

## Quy trình bảo đảm an ninh

Thực hiện theo quy định Chương trình an ninh Cảng HKQT Cát Bi đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1370/QĐ-CHK ngày 08 tháng 8 năm 2018.

## Kế hoạch khẩn nguy sân bay

~~Thực hiện theo Kế hoạch khẩn nguy sân bay của Cảng HKQT Cát Bi đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 731/QĐ-CHK ngày 11/05/2016 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.~~

- Thực hiện theo các quy định tại Phụ lục 1A.

- Đối phó với Hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng được thực hiện theo Kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không được CHKVN phê duyệt theo Quyết định số…….

## Kiểm tra bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong sân bay

* 1. Các quy trình kiểm tra định kỳ, đột xuất bề mặt giới hạn chướng ngại vật, bao gồm:
		1. Cơ quan chịu trách nhiệm:
* Trực điều hành CHK (chủ trì);

SĐT: 0225.3976.216

* + 1. Quy định kiểm tra:
* Quy định kiểm tra được cụ thể hóa tại Phụ lục 22 - Kiểm tra an toàn khu bay.
	+ 1. Các nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra:

- Vi phạm về mặt tĩnh không, khu vực sân bay và lân cận

~~(Quyết định số 14/QĐ-CHKQTCB ngày 30/3/2017 của Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi về việc phê duyệt, ban hành và áp dụng tài liệu hệ thống quản lý tích hợp (QMS ISO 9001:2015 và SMS) tại Cảng HKQT Cát Bi)~~

* ~~Nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra:~~
* ~~Kiểm tra bề mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, dải bảo hiểm: Các vật thể trên bề mặt đường CHC, sự bong bật, nứt vỡ của bê tông. Nước trên bề mặt ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tàu bay: mức độ ngập nước, đọng nước hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống đèn đường cất hạ cánh;~~
* Chướng ngại vật tự nhiên, tạm thời;
* ~~Tình trạng hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng, tiếp cận, đường lăn, biển hiệu, biển báo;~~
* ~~Cỏ hai bên lề bảo hiểm đường cất hạ cánh, đường lăn, khu vực di chuyển;~~
* ~~Sự ảnh hưởng của cỏ, cây đến hệ thống đèn, biển báo, biển chỉ dẫn;~~
* ~~Ảnh hưởng của cỏ, cây đến bề mặt phản xạ của các thiết bị phù trợ dẫn đường;~~
* ~~Hệ thống thoát nước trong khu bay;~~
* ~~Nguồn điện chính, dự phòng;~~
* ~~Các khu vực sửa chữa, thi công;~~
* ~~Vệ sinh khu bay.~~
	+ 1. Thời gian kiểm tra và tần suất kiểm tra: 02 lần/ngày lúc 06 giờ 00 và 16 giờ 00 (hoặc căn cứ vào kế hoạch bay thực tế trong ngày trực điều hành đơn vị quyết định thời gian kiểm tra phải đảm bảo 02 lần/ngày) hoặc kiểm tra đột xuất khi có tình huống phát sinh.
		2. Quy trình báo cáo và biện pháp khắc phục
* ~~Trường hợp có sự cố trên đường cất hạ cánh, đường lăn, khu vực sân đỗ tàu bay hoặc các thiết bị đèn hiệu, biển báo ... người chủ trì kiểm tra yêu cầu các thành phần kiểm tra xác nhận vào biên bản kiểm tra, báo cáo và chuyển ngay văn bản đến các cơ quan chức năng, chuyên môn có trách nhiệm tiến hành khắc phục sửa chữa kịp thời để đảm bảo hoạt động;~~
* Trong trường hợp sự cố ảnh hưởng đến an toàn bay không khắc phục được thì người chủ trì kiểm tra báo cáo ngay lãnh đạo trực đơn vị để xin ý kiến chỉ đạo khắc phục, sửa chữa;
* Các sự cố trong khu bay phải được thông báo cho Đài Kiểm soát không lưu theo quy định.
* Các sự cố trên phải được thông báo cho Đại diện Cảng vụ hàng không miền Bắc tại Cảng HKQT Cát Bi theo quy định.
	+ 1. Nhật ký kiểm tra, cơ quan lưu giữ nhật ký
* Nhật ký kiểm tra an toàn khu bay, biên bản kiểm tra an toàn khu bay thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 22 - Kiểm tra an toàn khu bay.

(Quyết định số 14/QĐ-CHKQTCB ngày 30/3/2017 của Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi về việc phê duyệt, ban hành và áp dụng tài liệu hệ thống quản lý tích hợp (QMS ISO 9001:2015 và SMS) tại Cảng HKQT Cát Bi).

* Cơ quan lưu giữ: Phòng Điều hành sân bay – Cảng HKQT Cát Bi.
	+ 1. ~~Phương tiện kiểm tra: Xe ô tô.~~
	1. Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong thời gian kiểm tra khu bay.

- Phương tiện liên lạc:

+ Liên hệ bằng bộ đàm tần số: tần số thu 162.925 MHZ, tần số phát 169.900 MHZ;

+ Đài Kiểm soát không lưu :

* Các nội dung cụ thể về công tác hiệp đồng giữa bộ phận kiểm tra và Đài kiểm soát tại sân bay Cát Bi theo Văn bản hiệp đồng Bảo đảm hoạt động bay giữa Cảng HKQT Cát Bi và Công ty Quản lý bay miền Bắc;
* Sử dụng hệ thống bộ đàm cầm tay và bộ đàm được trang bị trên xe tần số thu 162.925 MHZ, tần số phát 169.900 MHZ (hoặc điện thoại di động của trực điều hành đơn vị) để liên lạc với đài Kiểm soát tại sân bay Cát Bi, khi được phép của Kiểm soát viên không lưu mới tiến hành kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra phải thường xuyên giữ liên lạc với Kiểm soát viên không lưu;
* Kết thúc kiểm tra phải thông báo kết quả cho Kiểm soát viên không lưu về tình trạng kiểm tra an toàn khu bay;

## Quy trình kiểm tra kết cấu hạ tầng sân bay

* 1. Các quy trình kiểm tra:
		1. Cơ quan chịu trách nhiệm:
* Trực điều hành CHK (chủ trì);

SĐT: 0225.3976.216

* + 1. Quy định kiểm tra:
* Quy định kiểm tra được cụ thể hóa tại Phụ lục 22 - Kiểm tra an toàn khu bay.
	+ 1. Các nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra bề mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, dải bảo hiểm: Các vật thể trên bề mặt đường CHC, sự bong bật, nứt vỡ của bê tông. Nước trên bề mặt ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tàu bay: mức độ ngập nước, đọng nước hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống đèn đường cất hạ cánh;

* Chướng ngại vật tự nhiên, tạm thời;
* Tình trạng hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng, tiếp cận, đường lăn, biển hiệu, biển báo;
* Cỏ hai bên lề bảo hiểm đường cất hạ cánh, đường lăn, khu vực di chuyển;
* Sự ảnh hưởng của cỏ, cây đến hệ thống đèn, biển báo, biển chỉ dẫn;
* Ảnh hưởng của cỏ, cây đến bề mặt phản xạ của các thiết bị phù trợ dẫn đường;
* Hệ thống thoát nước trong khu bay;
* Nguồn điện chính, dự phòng;
* Các khu vực sửa chữa, thi công;
* Vệ sinh khu bay.
	1. Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong thời gian kiểm tra:
* Phương tiện liên lạc:

+ Liên hệ bằng bộ đàm tần số: tần số thu 162.925 MHZ, tần số phát 169.900 MHZ;

+ Đài Kiểm soát không lưu : SĐT

* Các nội dung cụ thể về công tác hiệp đồng giữa bộ phận kiểm tra và Đài kiểm soát tại sân bay Cát Bi theo Văn bản hiệp đồng Bảo đảm hoạt động bay giữa Cảng HKQT Cát Bi và Công ty Quản lý bay miền Bắc;
* Sử dụng hệ thống bộ đàm cầm tay và bộ đàm được trang bị trên xe tần số thu 162.925 MHZ, tần số phát 169.900 MHZ (hoặc điện thoại di động của trực điều hành đơn vị) để liên lạc với đài Kiểm soát tại sân bay Cát Bi, khi được phép của Kiểm soát viên không lưu mới tiến hành kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra phải thường xuyên giữ liên lạc với Kiểm soát viên không lưu;
* Kết thúc kiểm tra phải thông báo kết quả cho Kiểm soát viên không lưu về tình trạng kiểm tra an toàn khu bay;

## Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay

* ~~Thực hiện theo các quy định tại Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 06:2009/CHK “Quy trình duy tu bảo dưỡng sân bay dân dụng Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 1326/QĐ-CHK ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;~~
* ~~Thông tư 48/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về Bảo trì công trình hàng không.~~
* ~~Thông tư 34/2014/TT-BGTVT ngày 11/08/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sơn kẻ tín hiệu trên đường CHC, đường lăn, sân đỗ tàu bay;~~
	1. Các quy trình:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số** | **Tên tài liệu** | **Mã số** | **Ngày hiệu lực** |
| 1 | Quy trình bảo trì cơ sở hạ tầng – Cảng HKQT Cát Bi | (bổ sung phê duyệt quy trình –gđ cảng ban hành) |  |
| 2 | Quy trình bảo trì công trình hàng không dân dụng – Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam | 4127/QĐ-TCTCHKVN | 30/10/2014 |

* 1. Tên, địa chỉ đơn vị, cá nhân phụ trách bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay
* Đơn vị: Phòng Kỹ thuật – Cảng HKQT Cát Bi.
* Người phụ trách:
* Phó trưởng phòng: Nguyễn Đức Toàn – Di động: 0912.616.386

## An toàn thi công xây dựng

Thực hiện theo “Quy định an toàn Cảng hàng không Cát Bi” ban hành kèm theo Quyết định số 4168/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/12/2013 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Quyết định số … của Cảng HKQT Cát Bi

Tất cả các công trình thi công, sửa chữa, bảo trì trong khu hoạt động bay đều phải lập kế hoạch trước và được Ban Tổng Giám đốc hoặc Ban Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi phê duyệt. Kế hoạch này phải thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện. Nội dung thông báo gồm:

* Nội dung, mục đích công việc.
* Thời gian bắt đầu/thời gian kết thúc.
* Địa điểm, phạm vi công trình.
* Bản vẽ mặt bằng vị trí thi công.
* Tổng số người và các loại phương tiện, trang thiết bị tham gia.
* Phương tiện liên lạc.
* Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, PCCC và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

Người phụ trách thi công tại khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn phải được trang bị bộ đàm để liên lạc với Đài chỉ huy. Phải tuân thủ huấn lệnh và chịu sự hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu khi có tàu bay cất hạ cánh.

Đơn vị thi công có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý thuộc Cảng HKQT Cát Bi để:

* Xây dựng phương án, biện pháp thi công đảm bảo an ninh, an toàn, PCCC và vệ sinh môi trường trên công trường thi công và trình Cảng HKQT Cát Bi phê duyệt trước khi thi công.
* Lắp dựng các hàng rào, đóng cọc, giăng dây, đèn báo hiệu, biển cấm tạo ngăn cách giữa công trường thi công và khu hoạt động bay.
* Người, phương tiện ra/vào khu vực thi công phải được cấp thẻ/giấy phép theo quy định để kiểm soát nhằm đảm bảo an ninh an toàn trong khu vực thi công.
* Thống nhất với đơn vị quản lý của Cảng HKQT Cát Bi vị trí tập kết phương tiện, trang thiết bị, vật tư thi công không làm ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay.
* Người, phương tiện ra/vào thi công trong khu hoạt động bay phải lưu thông đúng luồng tuyến quy định và phải được người hoặc xe của các cơ quan, đơn vị chức năng hướng dẫn, giám sát.
* Xe chở vật liệu xây dựng, xà bần di chuyển trong khu hoạt động bay phải có bạt che phủ trong quá trình di chuyển. Nếu để rơi rớt thì đơn vị thi công phải tổ chức dọn dẹp ngay. Nếu quá khả năng, phải phối hợp với Trung tâm Khai thác khu bay Tân Sơn Nhất để thu dọn nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động bay.

Cơ quan quản lý và đơn vị thi công phải lập biên bản bàn giao mặt bằng thi công. Trong quá trình thi công, đơn vị thi công phải bảo đảm không làm hư hại, ảnh hưởng đến các hệ thống ngầm (cáp điện, thông tin, nước...) và có trách nhiệm san lấp, lu lèn trả lại mặt bằng như trạng thái ban đầu.

Đối với đường cất hạ cánh, đường lăn, khi phát hiện có sự thay đổi, bất thường trên bề mặt như nứt, mẻ, thủng, lõm, đơn vị thi công phải thông báo cho Trực ban trưởng sân bay để báo cáo Ban Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Đơn vị thi công phải có biện pháp quản lý chặt chẽ công cụ, dụng cụ, vật tư mang vào khu vực thi công. Đối với công cụ, dụng cụ thi công trong nhà ga, phải đăng ký và có sự đồng ý của Cảng HKQT Cát Bi trước khi mang vào nhà ga. Đơn vị được phân công giám sát có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ của đơn vị thi công.

## Quản lý sân đỗ tàu bay

1. Phân chia trách nhiệm quản lý, phối hợp giữa các bộ phận của Cảng HKQT Cát Bi và cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

 Cảng HKQT Cát Bi là đơn vị chủ trì bố trí vị trí đỗ tàu bay và có trách nhiệm quản lý, phối hợp giữa các bộ phận của Cảng HKQT Cát Bi và Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu về sân đỗ tàu bay, cụ thể theo văn bản hiệp đồng Bảo đảm hoạt động bay tại Cảng HKQT Cát Bi giữa Cảng HKQT Cát Bi và Công ty Quản lý bay miền Bắc.

1. Phân bổ các vị trí đỗ
* Đội Điều phối khai thác thuộc Phòng Điều hành sân bay – Cảng HKQT Cát Bi phối hợp với các bộ phận, đơn vị có liên quan để khai thác, bố trí vị trí đỗ tàu bay của các hàng hàng không theo kế hoạch bay hàng ngày và mục đích vận chuyển của tàu bay.
* Tham chiếu Mục 3 – Sân đỗ, Chương II – Các thông tin chi tiết về Cảng HKQT Cát Bi của Tài liệu này.
1. Quy định về kéo/ đẩy tàu bay và khởi động động cơ

8.3.1 Quy định về kéo/đẩy tàu bay

* Việc kéo/đẩy tàu bay phải được thực hiện bằng biện pháp dùng xe kéo/đẩy và cần đẩy chuyên dụng phù hợp với loại tàu bay theo tài liệu hướng dẫn sử dụng của thiết bị và phải được kiểm tra trước khi sử dụng. Không được dùng xe kéo/đẩy làm việc quá tải so với mức quy định trong tài liệu hướng dẫn sử dụng của từng xe;
* Tàu bay khi cần kéo/đẩy sang vị trí đỗ khác phải được lập kế hoạch trước và thông báo trước cho phòng Phục vụ bay - Cảng HKQT Cát Bi và Đài Kiểm soát không lưu để được bố trí vị trí đỗ và hướng dẫn trong suốt quá trình kéo/đẩy.
* Việc kéo/đẩy tàu bay phải do thợ máy có chứng chỉ hành nghề và lái xe có giấy phép lái xe, giấy phép khai thác thiết bị mặt đất hàng không phù hợp đảm nhiệm.
* Khi thực hiện việc kéo/đẩy tàu bay, người vận hành xe kéo/đẩy phải tuân thủ các giới hạn về tốc độ như sau:
* 10km/h khi đang kéo/đẩy tàu bay;
* 25km/h khi chạy không tải.
* Trong quá trình kéo đẩy tàu bay, cấm:
* Để người ngồi trên thân, cánh tàu bay;
* Để người ngồi trên thân, đu, bám bên ngoài, trên buồng lái của xe kéo;
* Để người không có trách nhiệm trên tàu bay;
* Để chèn bánh hoặc bất cứ vật gì khác trên cần kéo/đẩy tàu bay;
* Để người đứng ngồi trên cần kéo đẩy tàu bay;
* Để hàng hóa trái phép trên tàu bay;
* Cài số lùi để kéo/đẩy tàu bay.
* Tàu bay khi được kéo/đẩy phải bật đèn chống va chạm, đèn đầu mút cánh của tàu bay và xe kéo/đẩy tàu bay phải bật đèn xoay. Khi hoạt động vào ban đêm hoặc khi có sương mù, xe chuyên dụng kéo/đẩy tàu bay phải bật đèn chiếu sáng và đèn xoay.
* Trước khi xin phép Đài Kiểm soát không lưu cho phép kéo/đẩy tàu bay ra khỏi vị trí đỗ, thành viên tổ lái/nhân viên thợ máy phải quan sát, đảm bảo phương tiện, trang thiết bị, chèn bánh tàu bay và nhân viên mặt đất đã rút ra ngoài khoảng cách an toàn, không có chướng ngại vật ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tàu bay trong quá trình kéo/đẩy.
* Người lái xe chỉ kéo/đẩy tàu bay sau khi nhận được sự cho phép kéo/đẩy từ Đài Kiểm soát không lưu, tín hiệu cho phép kéo/đẩy từ thợ máy và phải đảm bảo thiết bị/phương tiện, chèn bánh tàu bay và nhân viên mặt đất đã rút ra ngoài khoảng cách an toàn.
* Thợ máy và lái xe kéo/đẩy tàu bay phải quan sát không có chướng ngại vật trên đường di chuyển của tàu bay. Trong quá trình kéo đẩy tàu bay, lái xe phải tuân thủ theo sự điều khiển của thợ máy và theo hướng dẫn của Đài Kiểm soát không lưu.

8.3.2 Quy định về khởi động động cơ

 Tàu bay được khởi động động cơ tại sân đỗ phải theo sự hướng dẫn của nhân viên kỹ thuật của các Hãng hàng không.

1. Dịch vụ đỗ tàu bay

 Cảng HKQT Cát Bi cung cấp dịch vụ sân đỗ tàu bay cho các hãng hàng không và các chuyến bay không thường lệ đi và đến Cảng HKQT Cát Bi.

1. Dịch vụ dẫn dắt tàu bay: Chỉ triển khai khi có yêu cầu.
2. Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay

Do Đài Kiểm soát không lưu Cát Bi thực hiện.

1. Quy trình phục vụ chuyên cơ

 Công tác phục vụ chuyên cơ được thực hiện theo:

* Thông tư 28/2010/TT-BGTVT ngày 13/09/2010 của Bộ Giao thông Vận tải V/v: Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ,
* Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT ngày 24/9/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ;
* Theo chương trình an ninh của Cảng HKQT Cát Bi – Phụ lục số …
1. Quy trình kéo đẩy/tàu bay:

Phụ lục 23 - Quy trình điều khiển và vận hành xe kéo đẩy tàu bay.

1. Phương thức liên lạc trong khu vực sân đỗ

Sử dụng bộ đàm cầm tay:

* Tần số thu: 162.925 Mhz.
* Tần số phát: 169.900 Mhz.
* Tần số khẩn nguy: 138.0625 Mhz.

## Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ

* 1. Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ

- Quyết định số 1295/QĐ-CHK ngày 13/06/2017 về việc phê duyệt danh sách thành phần Tổ công tác an toàn đường cất hạ cánh tại Cảng HKQT Cát Bi.

- Quyết định số …/QĐ-TCTCHKVN ngày …của Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam về việc Quyết định phê duyệt Quy chế hoạt động Tổ công tác an toàn đường cất hạ cánh Cảng HKQT Cát Bi.

* 1. Các quy trình khác liên quan tới quản lý an toàn sân đỗ:
		1. Phòng phụt đối với động cơ phản lực
* Không được phép thử động cơ chính khi tàu bay đỗ tại sân đỗ khi chưa được phép của người khai thác Cảng. Tàu bay chỉ được phép khởi động động cơ chính khi các phương tiện mặt đất đã rời khỏi khu vực phục vụ.
* Luồng di chuyển của tàu bay được thiết kế để luồng khí thải của động cơ không gây ảnh hưởng đến các hoạt động khác.
* Việc thử động cơ chỉ được thực hiện ở những vị trí do Cảng HKQT Cát Bi quy định.
	+ 1. Các biện pháp bảo vệ trong quá trình tiếp nhiên liệu
* Thực hiện theo Điều 8: Quy định về việc tra nạp nhiên liệu cho tàu bay, Mục 1: Quy định về đảm bảo an toàn cho tàu bay, Chương II: Quy định an toàn trong khu hoạt động bay - Quy định an toàn Cảng hàng không Cát Bi ban hành theo Quyết định số 4168/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/12/2013 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
* Thực hiện theo Điều 9: Xử lý tình huống bị tràn nhiên liệu, Mục 1: Quy định về đảm bảo an toàn cho tàu bay, Chương II: Quy định an toàn trong khu hoạt động bay - Quy định an toàn Cảng hàng không Cát Bi ban hành theo Quyết định số 4168/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/12/2013 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
	+ 1. Vệ sinh sân đỗ tàu bay
* Bộ phận thực hiện: Phòng phục vụ bay.
* Việc vệ sinh sân đỗ tàu bay được thực hiện thường kỳ 02 lần/ngày theo Quy trình kiểm tra an toàn khu bay do Tổ kiểm tra khu bay thực hiện;
* Ngoài thời gian kiểm tra vệ sinh thường kỳ 02 lần/ngày; lực lượng vệ sinh sân đường chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát vật ngoại lai (FOD).
	+ 1. Các biện pháp kiểm tra an toàn cho nhân viên, phương tiện hoạt động trên sân đỗ.
1. Quy định nhân viên làm việc trên sân đỗ:
* ~~Thực hiện theo Mục 4: Quy định đối với nhân viên vận hành trang thiết bị mặt đất, Chương II: Quy định an toàn trong khu hoạt động bay - Quy định an toàn Cảng hàng không Cát Bi ban hành theo Quyết định số 4168/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/12/2013 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.~~
* Nhân viên làm việc trên sân đỗ phải đeo thẻ kiểm soát an ninh, mang áo có vạch phản quang, bộ đàm có tần số thu 162.925MHz phát 169.900MHz, phương tiện bảo hộ, nút chống ồn.
* Báo cáo về tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ.
1. Quy định về an toàn đối với các trang thiết bị phục vụ trên sân đỗ:
* Các phương tiện, trang thiết bị phục vụ tàu bay: xe cấp điện, xe chở hành khách, xe chở hành lý hàng hóa… phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn thực hiện theo Quyết định số ... ngày ...của Cảng HKQT Cát Bi.
* Tốc độ tối đa của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của Cảng HKQT Cát Bi được quy định như sau:

. 05 km/h trong khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất.

. 35 km/h ngoài khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất.

* + 1. Báo cáo về tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ
* Tất cả các tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ đều phải được lập biên bản và báo cáo. Quy trình báo cáo được thực hiện theo:
* Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không;
* Quyết định số 5637/QĐ-TCTCHKVN ngày 29/12/2017 về việc ban hành Quy định báo cáo an toàn hàng không và Quyết định số 183/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/01/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 5637/QĐ-TCTCHKVN ngày 29/12/2017.
* Khi có tai nạn hoặc sự cố uy hiếp an toàn Phòng An ninh hàng không phối hợp với Đại diện Cảng vụ hàng không miền Bắc tại Cảng HKQT Cát Bi lập biên bản ghi nhận sự việc, thu thập các chứng cứ, lời khai của nhân chứng, để tập hợp hồ sơ vụ việc báo cáo Ban Giám đốc Cảng.
	1. Quy định an toàn Cảng

Các hoạt động trên đều cho Cảng HKQT Cát Bi kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo an toàn sân bay. Thực hiện theo “Quy định an toàn Cảng hàng không Cát Bi” ban hành kèm theo Quyết định số 4168/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/12/2013 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

## Quy định về kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay:

* 1. Các biện pháp áp dụng cho giao thông, quy tắc giao thông:

Mọi phương tiện, trang thiết bị khi hoạt động, lưu thông trong khu hoạt động bay phải chấp hành quy tắc giao thông thực hiện theo “Quy định an toàn Cảng hàng không Cát Bi” ban hành kèm theo Quyết định số 4168/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/12/2013 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:

* Liệt kê chi tiết thêm thông tin tốc độ
* Trên đường công vụ không quá 35km/giờ.
* Khi tiếp cận tàu bay không quá 05km/giờ.
* Xe kéo đang kéo/đẩy tàu bay là 10km/giờ.
* Xe kéo/đẩy tàu bay khi chạy không tải là 25km/giờ.
* ……
	1. Các quy trình kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện hoạt động tại khu bay:

10.2.1. Cấp giấy phép cho người điều khiển, vận hành trang thiết bị và giấy phép đăng ký phương tiện, trang thiết bị mặt đất trong khu bay

- Phương tiện hoạt động trong khu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc cơ quan được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền cấp theo quy định tại Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động tại khu vực hạn chế Cảng hàng không, sân bay phải có giấy phép được Cục Hàng không Việt Nam cấp theo quy định tại Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về nhân viên hàng không, đào tạo, huấn luyện và nhân viên hàng không;

10.2.2. Quy trình kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện:

Thực hiện theo Chương trình An ninh hàng không Cảng HKQT Cát Bi ban hành theo Quyết định 1370/QĐ-CHK ngày 08/8/2018 của Cục Hàng không Việt Nam.

* 1. Cơ quan đơn vị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý, điều hành các hoạt động trong khu bay.
		1. Công ty Quản lý bay miền Bắc:
* Đài Kiểm soát không lưu Cát Bi chịu trách nhiệm kiểm soát hoạt động của người, phương tiện, tàu bay hoạt động trên khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ.
	+ 1. Phòng Điều hành sân bay:
* Giám sát người, phương tiện kỹ thuật mặt đất trong khu vực sân đỗ bằng hệ thống Camera giám sát sân đỗ để phối hợp với lực lượng an ninh sân đỗ tàu bay giải phóng thiết bị, phương tiện, chướng ngại vật có ảnh hưởng đến an toàn bay.
	+ 1. Phòng An ninh hàng không:
* Chịu trách nhiệm kiểm soát an ninh đối với người, phương tiện, trang thiết bị và tàu bay hoạt động trên sân đỗ;
* Phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp người, phương tiện… xâm nhập trái phép vào khu hoạt động bay;
* Có trách nhiệm hướng dẫn luồng tuyến lưu thông cho người và phương tiện lần đầu tiên đến sân đỗ tàu bay khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

## Quản lý các nguy cơ gây mất an toàn do chim, động vật hoang dã và vật nuôi gây ra

Thực hiện theo hướng dẫn tại sổ tay kiểm soát chim và động vật hoang dã ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-CHKQTCB ngày …. của Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi về việc phê duyệt Sổ tay kiểm soát chim và động vật hoang dã Cảng HKQT Cát Bi. (Phụ lục 1C).

Tên, số điện thoại (24/24 giờ) của những người phụ trách xử lý các nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và Tên** | **Chức vụ** | **Chức danh** | **Điện thoại** |
| Ông Vũ Văn Viên | Giám đốc | Tổ trưởng | 0912.482.242 |
| Ông Nguyễn Quốc Tuấn | Phó giám đốc | Tổ phó | 0913.378.752 |
| Ông Nguyễn Xuân Thiện  | Trưởng Phòng ANHK | Tổ phó | 0913.376.298 |
| Ông Đỗ Đức Ánh | Phó Tr. phòng ANHK | Tổ viên | 0912.220.930 |
| Ông Lê Huy Trường | Chánh văn phòng | Tổ viên | 0913.546.809 |
| Ông Vũ Quốc Tuấn | Phó Chánh văn phòng | Tổ viên | 0903.235.990 |
| Ông Lê Thanh Bình | Trưởng phòng PVB  | Tổ viên | 0904.127.225 |
| Ông Nguyễn Đức Toàn | Phó Tr. phòng Kỹ thuật | Tổ viên | 0912.616.386 |

## Quản lý chướng ngại vật hàng không

* 1. Các quy định về bề mặt giới hạn của chướng ngại vật:

 Việc quản lý chướng ngại vật hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi thực hiện theo Điều 92 Luật hàng không dân dụng Việt Nam; Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ về “Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay”.

* 1. Phạm vi, quyền hạn của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi trong việc kiểm soát chướng ngại vật

 Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi có trách nhiệm theo dõi và phát hiện các trường hợp vi phạm tĩnh không sân bay trong khu vực sân bay Cát Bi để thông báo cho đại diện Cảng vụ hàng không miền Bắc tại Cát Bi và phối hợp giải quyết.

* 1. Kiểm soát và quản lý các công trình xây dựng, kiến trúc trong bề mặt giới hạn chướng ngại vật của Cảng HKQT Cát Bi:
* Đối với các chướng ngại vật nhân tạo và tự nhiên đã hiện hữu mà chiều cao vi phạm các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, Cảng vụ hàng không miền Bắc sẽ chủ trì phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan và chủ sở hữu của vật thể đó để xem xét xử lý đối với từng trường hợp cụ thể. Dựa trên sự đồng thuận của các bên sẽ đưa ra quyết định:
	+ Vị trí di dời chướng ngại vật;
	+ Thời hạn di dời;
* Trong trường hợp không thể di dời được:
	+ Hạ thấp độ cao trong chừng mực có thể;
	+ Lắp đèn báo hiệu, sơn kẻ tín hiệu cảnh báo theo quy định của ICAO.
* Trong trường hợp các bên không thể thống nhất ý kiến thì Đại diện Cảng vụ hàng không miền Bắc sẽ báo cáo lên cấp có thẩm quyền cao hơn để giải quyết;
* Đối với các chướng ngại vật tạm thời và di động hoạt động gần sân bay và vi phạm bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khoảng thời gian ngắn, chủ sở hữu phải báo cáo Cảng vụ hàng không miền Bắc để xem xét quyết định;
* Đối với các chướng ngại vật được phép xây mới hay sửa đổi, chủ sở hữu có trách nhiệm sơn đánh dấu, trang bị chiếu sáng các chướng ngại vật đó và chịu mọi chi phí liên quan đến lắp đặt, sơn kẻ và bảo trì các hệ thống đánh dấu/chiếu sáng đó.
* Đối với các chướng ngại vật thoả mãn các yêu cầu của nguyên lý núp bóng thì sẽ áp dụng các quy định riêng.
* Trường hợp cao trình không được phép nhưng chủ sở hữu vẫn cố tình cho xây dựng hay sửa đổi, Cảng vụ hàng không miền Bắc sẽ báo cáo lên các cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của Pháp luật.
	1. Quy trình về báo cáo Cục Hàng không Việt Nam
* Việc phát hiện chướng ngại vật vi phạm tĩnh không, vật thể bay có nguy cơ uy hiếp an toàn tĩnh không, sẽ được Cảng HKQT Cát Bi ghi chép, lưu giữ số liệu và báo cáo lên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP theo quy định.
* Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về hành vi vi phạm tĩnh không, Cảng HKQT Cát Bi thông báo cho Cảng vụ hàng không miền Bắc để xử lý theo thẩm quyền.
* Cảng vụ Hàng không miền Bắc báo cáo Cục Hàng không Việt Nam các trường hợp vi phạm tĩnh không tại Cảng HKQT Cát Bi theo quy định.

## Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển:

Phương án di chuyển tàu bay bị hư hỏng trên khu bay hoặc khu vực lân cận mất khả năng tự di chuyển thực hiện theo Phụ lục 1A – Kế hoạch khẩn nguy sân bay – Cảng HKQT Cát Bi.

* 1. Vai trò của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi và Người khai thác tàu bay đối với tàu bay không có khả năng di chuyển.

Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi:

* Căn cứ vào khả năng, trang bị sẵn có của mình lập kế hoạch di dời tàu bay mất khả năng di chuyển trên sân bay cho phù hợp.
* Phối hợp với người khai thác tàu bay để cung cấp những kinh nghiệm và các phương tiện sẵn có giúp cho việc di dời được nhanh chóng trên cơ sở hợp đồng của người khai thác tàu bay .
* Cung cấp các phương tiện chuyên chở, nhân viên hộ tống những trang thiết bị đến vị trí hiện trường tai nạn, lập sở chỉ huy cơ động khi cần thiết.
* Có trách nhiệm bảo vệ tàu bay bị nạn các bộ phận gãy rời, các bộ phận khác bị bung ra để phục vụ cho công tác điều tra tai nạn.
* Là cơ quan chủ trì phối hợp để bàn bạc, thống nhất các biện pháp giúp cho người khai thác tàu bay thực hiện quá trình di dời tàu bay mất khả năng di chuyển nhanh chóng và hiệu quả nhất.

Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị liên quan trong việc di dời:

 Các cơ quan đơn vị thuộc Cảng HKQT Cát Bi, các doanh nghiệp Vận tải hàng không, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại Cảng có trách nhiệm tham gia vào Ban chỉ huy hiện trường Cảng HKQT Cát Bi để lập và thực hiện kế hoạch di dời tàu bay mất khả năng di chuyển dưới sự điều phối của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi.

* 1. Quy trình thông báo cho người có đăng ký tàu bay bị hư hỏng
* Khi tàu bay mất khả năng di chuyển từ những nguyên nhân tai nạn, sự cố, việc di dời tàu bay ra khỏi khu vực đó là giai đoạn tiếp theo của công tác khẩn nguy Sân bay do đó việc thông báo cho Hãng khai thác tàu bay là trách nhiệm của Cảng HKQT Cát Bi.
* Cảng HKQT Cát Bi thông báo ngay cho chủ tàu bay hoặc Hãng khai thác tàu bay biết các thông tin cần thiết về tình trạng tàu bay để Người khai thác tàu bay có kế hoạch chuẩn bị và thực hiện các biện pháp di dời;
* Kế hoạch dự kiến di dời, khả năng của Cảng HKQT Cát Bi về lực lượng, phương tiện sẵn có của Cảng và của các đơn vị hoạt động trên khu vực có thể tham gia công tác di dời;
* Địa chỉ liên lạc của các đơn vị thuộc Cảng HKQT Cát Bi để phối hợp công tác di dời và khôi phục lại hoạt động cho sân bay.
	1. Quy trình liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu:
* Trước khi tiến hành công tác di dời chủ tàu bay, Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi phải thông báo cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu kế hoạch di dời tàu bay để phối hợp điều hành, kiểm soát nhằm bảo đảm an toàn trong khu bay các nội dung bao gồm:
* Thời gian dự kiến di dời;
* Đường đi và thời gian của các loại phương tiện, trang bị tham gia di dời;
* Đường di chuyển của tàu bay về nơi sửa chữa;
* Chiều cao tối đa của các phương tiện di dời;
* Phương tiện thông tin liên lạc, tần số vô tuyến liên lạc trong quá trình di dời.
* Trong suốt quá trình di dời tàu bay phải duy trì thông tin liên lạc hai chiều bằng vô tuyến với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu cho đến khi kết thúc công tác di dời.
	1. Bố trí, sắp xếp nhân viên và phương tiện để di chuyển tàu bay bị hư hỏng
* Việc bố trí, sắp xếp nhân lực và phương tiện để di dời tàu bay mất khả năng di chuyển của Cảng HKQT Cát Bi sẽ phụ thuộc vào từng tình huống cụ thể để huy động là khác nhau.
* Trường hợp Cảng HKQT Cát Bi được yêu cầu đứng ra tổ chức di dời thì sẽ phối hợp với Ban Tổng giám đốc TCTCHKVN lãnh đạo chung và các thành viên trong Ban chỉ huy hiện trường Cảng HKQT Cát Bi sẽ là những người giúp việc.

 **Lực lượng:**

* Các đơn vị thuộc Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi:
* Văn phòng;
* Phòng An ninh hàng không:Đội an ninh Kiểm soát;
* Phòng Kỹ thuật:
* Đội vận hành kỹ thuật nhà ga- khu bay;
* Đội vận hành trang thiết bị mặt đất.
* Phòng Điều hành sân bay: Đội khẩn nguy và PCCC.
* Các đơn vị thuộc Tổng công ty hàng không Việt Nam - CTCP:
* Tổ thợ máy – Công ty VAECO;
* Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam tại Hải Phòng;
* Đơn vị thuộc Hãng hàng không VietJet Air: Tổ bảo dưỡng kỹ thuật ngoại trường VietJet Air
* Chi nhánh tại Cát Bi – Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex;
* Hải quan tại Cảng HKQT Cát Bi;

 **Phương tiện:**

* Cảng HKQT Cát Bi (Các phương tiện do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam điều động, cung cấp):
* Xe cứu hoả;
* Xe cứu thương;
* Xe chỉ huy;
* Máy phát điện, dây điện, đèn chiếu sáng;
* Dụng cụ thô sơ: Cuốc, xẻng, xà beng;
* Xe thang;
* Xe kéo dolly + pallet;
* Xe nâng.
* Phương tiện của các đơn vị trong và ngoài ngành hàng không được huy động khi có yêu cầu.
* ~~Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam tại Hải Phòng và Chi nhánh tại Cát Bi – Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex:~~
* ~~Xe tra nạp xăng dầu;~~
* ~~Máy bơm hút dầu.~~
* ~~Tổ thợ máy – Công ty VAECO:~~
* ~~Kích các loại cho tàu bay B777, A320, A321, Foker70, ATR72...~~
* ~~Tổ bảo dưỡng kỹ thuật ngoại trường VietJet Air: Bổ sung~~
	1. Quy trình di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển

 Tùy trường hợp cụ thể, quy trình chung đối với công tác di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển gồm các bước chính như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lưu đồ** | **Trách nhiệm và hoạt động** |
|  | Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi |
| Ban Chỉ huy hiện trường chỉ định thành phần chuyên gia |
| Ban chỉ huy hiện trường xem xét phương án di dời |
| Ban chỉ huy hiện trường điều phối lực lượng, phương tiện thực hiện phương án di dời |
| Ban Chỉ huy hiện trường báo cáo Cục Hàng không Việt NamCảng HKQT Cát Bi báo cáo TCT Cảng hàng không Việt Nam |

* 1. Tên, chức vụ, số điện thoại của các cán bộ phụ trách việc sắp xếp di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên** | **Chức vụ** | **Số điện thoại** |
| 1 |  | Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi | 0225.3725.616 |
| 2 |  | Đại diện Cảng vụ hàng không miền Bắc tại Cát Bi | 0225.3558.734 |
| 3 |  | Phó giám đốc Cảng HKQT Cát Bi | 0225.3976.209 |
| 4 |  | Văn phòng Cảng HKQT Cát Bi | 0225.3976.408 |
| 5 |  | Phòng An ninh hàng không - Cảng HKQT Cát Bi | 0225.3976.282 |
| 6 |  | Phòng Phục vụ bay - Cảng HKQT Cát Bi | 0225.3976.911 |
| 6 |  | Phòng Kỹ thuật - Cảng HKQT Cát Bi | 0225.3976.216 |
| 7 |  | Tổ thợ máy – Công ty VAECO  | 0225.3976.451 |
| 8 |  | Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam tại Hải Phòng | 0225.3976.255 |
| 9 |  | Chi nhánh tại Cát Bi – Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex | 0225.3899.582 |
| 10 |  | Tổ bảo dưỡng kỹ thuật ngoại trường VietJet Air | Bổ sung |
|  |  | Chủ sở hữu tàu bay (Trường hợp tàu bay thuê chuyến hoặc hạ cánh khẩn cấp) |  |

## Quản lý vật phẩm nguy hiểm

 Thực hiện theo các quy định bảo đảm an ninh tại Chương trình An ninh hàng không Cảng HKQT Cát Bi đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1370/QĐ-CHK ngày 08/8/2018.

## Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế

Theo tiêu chuẩn thời tiết tối thiểu áp dụng cho các phương thức bay tại sân bay Cát Bi được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn số ... ngày ... ban hành “Quy chế bay trong khu vực sân bay Cát Bi”.

## Đảm bảo hoạt động của các thiết bị dẫn đường

 Các quy trình bảo vệ vị trí rada và phương tiện dẫn đường vô tuyến tại cảng hàng không, sân bay để không gây cản trở hoạt động chính xác của các thiết bị đó, bao gồm:

* 1. Kiểm soát các hoạt động xung quanh vị trí các phương tiện dẫn đường vô tuyến
* Tất cả các hoạt động quanh vị trí các phương tiện vô tuyến dẫn đường được quy định cụ thể nhằm tránh những can nhiễu gây sai lệch tín hiệu làm ảnh hưởng đến hoạt động bay.
* Bề mặt phản xạ của đài dẫn đường phải thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng để đảm bảo tiêu chuẩn.
* Trong thời gian phục vụ bay, cấm mọi phương tiện đi lại và thi công trong phạm vi hoạt động của các thiết bị dẫn đường theo quy định.
	1. Các quy định bảo trì mặt đất xung quanh các thiết bị:
* Phòng Kỹ thuật - Cảng HKQT Cát Bi đảm bảo khai thác, bảo dưỡng các thiết bị liên lạc, dẫn đường do Cảng HKQT Cát Bi quản lý.
* Việc cắt cỏ định kỳ, bảo đảm thoát nước và sửa chữa thiết bị nếu có do Phòng kỹ thuật đảm nhận.
	1. Quy định về lắp đặt các bàng báo hiệu về bức xạ sóng cực ngắn nguy hiểm: Không có.
	2. Sơ đồ các bề mặt giới hạn chướng ngại vật đảm bảo hoạt động bình thường của các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát
* Khu vực giới hạn mặt phản xạ đài GP 07 (Phụ lục …):
* Khu vực giới hạn mặt phản xạ đài LLZ 25 (Phụ lục …):

## Khí tượng hàng không

* Thực hiện theo Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 6 tháng 6 năm 2017 Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay của Bộ Giao thông Vận tải.
* Thực hiện theo Quyết định số .../QĐ-CHK ngày .../.../... của Cục Hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Tài liệu hướng dẫn khai thác dịch vụ khí tượng hàng không Cát Bi.
* Thực hiện theo Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ khí tượng hàng không giữa Công ty Quản lý bay miền Bắc - Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Cảng HKQT Cát Bi - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2018.

## Quản lý môi trường tại Cảng HKQT Cát Bi

* 1. Các nguồn thải gây ô nhiễm và biện pháp giảm thiểu:
		1. Khí thải, tiếng ồn, độ rung:

Chủ yếu phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, trang thiết bị khu bay.

* + 1. Nước thải, lượng nước xả thải (m3/ngày đêm):
* Nguồn thải:
* Nước dùng cho sinh hoạt và vệ sinh của cán bộ công nhân viên;
* Nước dùng cho hoạt động vệ sinh của hành khách;
* Nước dùng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ phi hàng không (căn tin, nhà hàng, …);
* Nước dùng cho tưới cây, rửa phun đường nội bộ;
* Lưu lượng xả thải: ≈ 200m3/ ngày đêm;
* Lượng nước tiêu thụ (m3/ngày đêm): 58,6 m3/ ngày đêm;
	+ 1. Chất thải rắn:
1. Quy trình thu gom, vận chuyển:

Chất thải rắn (từ vệ sinh máy bay, rác sinh hoạt từ nhà ga, sửa chữa, bảo trì MMTB, PTVT)

Phân loại tại nguồn

Chất thải rắn không nguy hại, CTR sinh hoạt

Thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý

1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm:
* Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung.
* Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom thông qua hệ thống thùng chứa rác được bố trí tại các khu vực sau đó tập kết tại ga rác sân bay.
* CTNH được thu gom, phân loại riêng, đựng trong thùng kín hoặc bao kín, lưu chứa trong khu vực chứa CTNH.
* Ký hợp đồng thu gom rác và CTNH với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
	+ 1. Chất thải nguy hại:

a) Quy trình thu gom, vận chuyển

Chất thải rắn (từ vệ sinh máy bay, rác sinh hoạt từ nhà ga, sửa chữa, bảo trì MMTB, PTVT)

Phân loại tại nguồn

Chất thải rắn nguy hại (CTNH)

Lưu giữ vào thùng chứa riêng

Chứa tại kho chứa CTNH

b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm:

* Các hộp mực máy in, bình acquy khi thay thế sẽ được nhà cung cấp thu hồi lại, không thải ra môi trường.
* Các loại chất thải khác như: bóng đèn huỳnh quang thải, board mạch điện tử, giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải,… được thu gom và phân loại riêng sau đó lưu trữ trong nhà kho để chờ xử lý theo quy định.
* Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
	+ 1. Chất thải rắn, lỏng từ tàu bay tại Cảng HKQT Cát Bi:
* Chất thải rắn:
* Các hãng hàng không hoạt động tại sân bay thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải rắn tùy vào nhu cầu và thực tế phát sinh của đơn vị. Hiện nay, việc thu gom chất thải rắn do tổ vệ sinh phòng Phục vụ bay đảm nhiệm;
* Chất thải lỏng:

Quy trình thu gom, vận chuyển:

Chất thải lỏng từ tàu bay

Trang thiết bị,

phương tiện chuyên dùng

Bể chứa

Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

* 1. Trách nhiệm quản lý môi trường của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi
* Chịu trách nhiệm trước phát luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường;
* Thực hiện quản lý môi trường theo các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường/cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
* Xây dựng bản đồ tiếng ồn:
* Thực hiện theo Quyết định số 1312/QĐ-CHK ngày 27/7/2018 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ban hành Quy trình kỹ thuật xây dựng bản đồ tiếng ồn cho cảng hàng không, sân bay.
* Hệ thống quản lý môi trường:
1. Quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác bảo vệ môi trường:

(Theo Điều 20 Thông tư 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2013)

1. Danh mục hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác bảo vệ môi trường:
* Đề án bảo vệ môi trường Cảng hàng không Cát Bi quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã được phê duyệt;
* Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi đã được UBND Thành phố Hải Phòng cấp phép ngày 07/11/2016;
* Hợp đồng thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất thải lỏng;
* Kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được phê duyệt và kết quả quan trắc khác theo quy định của pháp luật;
* Các kết quả kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
	+ 1. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi ban hành Quyết định số 29/QĐ-CHKCB ngày 28/10/2014 về việc Quyết định ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại Cảng HKQT Cát Bi.

* + 1. Phê duyệt quy trình thu gom, phân loại, xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất thải rắn, lỏng từ tàu bay của Cảng HKQT Cát Bi;

Theo Báo cáo số 623/BC-CHKQTCB ngày 29/11/2016 của Cảng HKQT Cát Bi về công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT.

* + 1. Thông tin liên lạc của bộ phận môi trường tại Cảng HKQT Cát Bi
* Tên bộ phận: Tổ Kế hoạch – Tài chính thuộc Văn phòng;
* Điện thoại: 0225.3273.189 Fax: 0225.3976.217.

 18.3 Trách nhiệm quản lý môi trường của doanh nghiệp khai thác công trình tại cảng HKQT Cát Bi:

* Chịu trách nhiệm trước phát luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.
* Thực hiện quản lý môi trường theo các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường (chi tiết, đơn giản)/cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
* Ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường
* Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận môi trường.

18.4 Văn bản pháp luật liên quan đến việc quản lý, bảo vệ môi trường tại Cảng: (liệt kê các văn bản pháp luật tại đơn vị, địa phương)

## Báo cáo tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác Cảng HKQT Cát Bi

Thực hiện theo quy định tại:

* Điều 35 của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay
* Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25/02/2015 của Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không.
* Quyết định số 5637/QĐ-TCTCHKVN ngày 29/12/2017 và Quyết định số 183/QĐ-TCTCHKVN ngày 18/01/2018 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng HKVN về việc điều chỉnh một số nội dung của “ Quy định báo cáo an toàn hàng không”.

# CHƯƠNG V

# TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BI

## Tổ chức hành chính của Người khai thác Cảng HKQT Cát Bi

* 1. Sơ đồ tổ chức của Cảng HKQT Cát Bi



* 1. Tên, chức vụ và số điện thoại của người chịu trách nhiệm chung về an toàn của Cảng HKQT Cát Bi
* Giám đốc Cảng là người lãnh đạo chung tất cả các mặt của Cảng HKQT Cát Bi;
	1. Tên, chức vụ và số điện thoại của người phụ trách an ninh hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi
* Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Phó Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi phụ trách công tác an ninh an toàn; Điện thoại di động: 0913.378.752.
	1. Tên, chức vụ và số điện thoại của người phụ trách khai thác sân bay tại Cảng HKQT Cát Bi
	2. Các phòng ban tại Cảng HKQT Cát Bi

Cảng HKQT Cát Bi do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP quản lý, hệ thống hành chính được tổ chức như sau:

* Văn phòng
* Phòng An ninh hàng không
* Phòng Phục vụ mặt đất
* Phòng Kỹ thuật
* Phòng Điều hành sân bay

~~Chức năng:~~

* ~~Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Cát Bi trong công tác điều hành phối hợp hoạt động; xác định chiến lược phát triển Cảng hàng không; công tác Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Tài chính - Kế toán; Đầu tư - xây dựng; quản lý nhân sự, tiền lương; an toàn vệ sinh lao động; đào tạo huấn luyện; công tác văn thư lưu trữ, tổ chức hành chính; Công tác Đảng - Đoàn thể; Công tác lễ tân, đối ngoại.~~
* ~~Xây dựng, triển khai và theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tham gia quản lý theo dõi xây dựng cơ bản, hệ thống cơ sở hạ tầng của Cảng HKQT Cát Bi.~~

~~Nhiệm vụ và quyền hạn:~~

* ~~Tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính, kế toán trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ; quản lý tài sản theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.~~
* ~~Lập các dự án đầu tư của Cảng HKQT Cát Bi, xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư trang thiết bị, vật tư, công cụ, theo đúng quy chế phân cấp của Tổng công ty và quy định của Nhà nước.~~
* ~~Tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật theo đúng quy định của Tổng công ty và Pháp luật của Nhà nước.~~
* ~~Xây dựng các văn bản pháp quy hành chính phục vụ công tác quản lý điều hành của Cảng HKQT Cát Bi, ban hành các văn bản thông báo, ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Cảng.~~
* ~~Thu thập, tổng hợp thông tin các kết quả hoạt động từ các Phòng, Đội, Tổ và các đơn vị liên quan để phục vụ giao ban định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Cảng và Tổng công ty.~~
* ~~Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật và của Tổng công ty.~~
* ~~Thực hiện công tác kinh doanh dịch vụ, thu bến bãi, trông giữ xe đạp xe máy của hành khách.~~
* ~~Chủ trì phối hợp với các Phòng trong đơn vị xây dựng định mức lao động, định biên lao động hàng năm đảm bảo hiệu quả và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị.~~
* ~~Xây dựng kế hoạch đào tạo - huấn luyện và tổ chức thực hiện theo đúng quy chế của Tổng công ty.~~
* ~~Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật theo quy định.~~
* ~~Đảm bảo các điều kiện vật chất, phương tiện, kỹ thuật, công tác hậu cần phục vụ hoạt động của Ban Giám đốc.~~
* ~~Thực hiện chế độ báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) theo quy định và đột xuất.~~
* ~~Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Cảng phân công.~~
	+ 1. ~~Chức năng, nhiệm vụ của Phòng An ninh hàng không~~
* ~~Bảo đảm cung ứng các dịch vụ an ninh, an toàn hàng không; khẩn nguy cứu nạn hàng không; phòng chống cháy nổ trên địa bàn Cảng HKQT Cát Bi;~~
* ~~Kiểm tra, giám sát người, phương tiện được phép ra, vào và hoạt động trong khu vực hạn chế, khu vực cách ly theo quy định; bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn cho hoạt động bay và các hoạt động khác tại Cảng HKQT Cát Bi;~~
* ~~Tổ chức công tác phòng cháy, chữa cháy trong khu vực Cảng HKQT Cát Bi; kiểm tra, đôn đốc các bộ phận thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy; tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; triển khai các dịch vụ cứu nạn theo phương án khẩn nguy và giải quyết hậu quả khi có sự cố xảy ra;~~
* ~~Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định nhằm bảo đảm an ninh, an toàn, vận chuyển thương mại hàng không; báo cáo Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi, đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định đình chỉ việc xây dựng các công trình, lắp đặt các trang thiết bị, trồng cây, chăn thả gia súc trong Sân bay và các khu vực lân cận có khả năng gây mất an toàn đến hoạt động bay;~~
* ~~Kiểm tra giám sát an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện… phục vụ các chuyến bay thường lệ và không thường lệ tại Sân bay;~~
* ~~Kiểm soát an ninh đặc biệt đối với khách VIP, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện của các đối tượng trên tại Cảng HKQT Cát Bi;~~
* ~~Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện và giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật của nhà nước và các điều ước quốc tế về lĩnh vực an ninh hàng không mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và phòng ngừa tai nạn tàu bay trong phạm vi Sân bay;~~
* ~~Tham gia nghiên cứu đánh giá mối đe dọa an ninh hàng không, đề xuất các biện pháp phòng ngừa;~~
* ~~Tham gia công tác khẩn nguy sân bay khi có đe dọa uy hiếp an ninh, an toàn;~~
* ~~Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trong công tác bảo đảm an ninh khu vực và giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh tại Sân bay;~~
* ~~Tổ chức báo động, diễn tập các phương án khẩn nguy sân bay theo định kỳ và theo kế hoạch;~~
* ~~Quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ của đơn vị.~~
	+ 1. ~~Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kỹ thuật~~
1. ~~Chức năng:~~

~~Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Cảng HKQT Cát Bi trong lĩnh vực đảm bảo kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị.~~

1. ~~Nhiệm vụ và quyền hạn:~~
* ~~Thực hiện công tác đảm bảo kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị: Thiết bị điều hành bay, các phương tiện hoạt động trên khu bay, thiết bị nhà ga, thiết bị điện, nguồn điện dự phòng, thiết bị thông tin liên lạc và truyền dẫn, các trang thiết bị mặt đất, thiết bị khác liên quan đến dịch vụ kỹ thuật hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng cơ sở hạ tầng khu bay và nhà ga hành khách.~~
* ~~Thực hiện cung ứng các dịch vụ: thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không nguồn điện (nguồn điện chính, nguồn điện dự phòng) phục vụ công tác hoạt động bay 24/24 giờ của Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Tư vấn thiết kế kỹ thuật, hiệu chỉnh các công trình điện, điện tử, cơ khí và hệ thống thiết bị kỹ thuật chuyên ngành.~~
* ~~Thực hiện cung ứng các dịch vụ về trang thiết bị mặt đất cho các hãng hàng không đáp ứng yêu cầu thực tế.~~
* ~~Thực hiện việc quản lý giấy phép sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vố tuyến điện tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi.~~
* ~~Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng định kỳ tất cả các trang thiết bị kỹ thuật nhà ga và khu bay theo phân cấp.~~
* ~~Bảo đảm vận hành các trang thiết bị hoạt động tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, cung cấp các dịch vụ khai thác, bảo trì bảo dưỡng các trang thiết bị kỹ thuật hàng không, thiết bị Phục vụ mặt đất tại sân đỗ và nhà ga hành khách tại Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Cung ứng các dịch vụ thông tin dẫn đường, hệ thống dẫn đường ILS; hệ thống đèn tín hiệu đường cất hạ cánh PLS; hệ thống dẫn đường và các trang bị, thiết bị thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ cho hoạt động bay, điều hành bay 24/24 giờ của Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Vận hành các trang thiết bị hàng không, thiết bị Phục vụ mặt đất hoạt động đúng quy trình, quy định hàng không, đáp ứng phục vụ tốt cho hoạt động bay tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi.~~
* ~~Cung ứng các dịch vụ vận chuyển hành khách đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.~~
* ~~Thực hiện đúng các quy trình, quy định về vận hành các trang thiết bị phục vụ hàng không, thiết bị phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo cho công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ.~~
* ~~Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy trình duy tu, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa đột xuất nhằm bảo đảm cho các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động khai thác hàng không tại Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Tổ chức và quản lý bảo đảm hoạt động của các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động bay tại khu bay, nhà ga, sân đỗ tàu bay.~~
* ~~Điều phối thiết bị, nhân lực trong phục vụ bay, phục vụ hành khách tại nhà ga và khu bay khi cần thiết.~~
* ~~Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống cung cấp điện, thiết bị điện và hệ thống điều hoà không khí Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, hệ thống đèn tín hiệu, hệ thống ILS, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải.~~
* ~~Phối hợp bảo trì, sửa chữa thiết bị an ninh, máy soi chiếu, cổng từ.~~
* ~~Theo dõi tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị kỹ thuật. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật của hệ thống trang thiết bị kỹ thuật Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Xây dựng kế hoạch hàng năm về đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho đơn vị. Xây dựng, phối hợp thực hiện phương án lựa chọn công nghệ, phối hợp lắp đặt hệ thống trang thiết bị kỹ thuật được đầu tư.~~
* ~~Thực hiện nhiệm vụ quản lý kỹ thuật đúng quy trình, quy phạm, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật, kỹ thuật an toàn lao động;~~
* ~~Lập kế hoạch đào tạo huấn luyện và phối hợp triển khai thực hiện theo quy chế.~~
* ~~Soạn thảo các quy chế, quy định về lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khai thác các trang thiết bị kỹ thuật hàng không, thiết bị Phục vụ mặt đất tại sân đỗ và nhà ga hành khách tại Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Lập kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị, công cụ lao động phục vụ công tác của phòng.~~
* ~~Tham gia thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, văn hoá, văn nghệ, thể thao của đơn vị và công tác xã hội tại địa phương.~~
* ~~Tham gia công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, tìm kiếm cứu nạn hàng không, phòng cháy chữa cháy và khẩn nguy sân bay.~~
* ~~Tham gia xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa tài liệu quản lý chất lượng của Cảng hàng không theo tiêu chuẩn ISO; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và nghiên cứu cải tiến chất lượng dịch vụ do Cảng HKQT Cát Bi cung ứng.~~
* ~~Quản lý tài sản, trang thiết bị được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty và đơn vị.~~
* ~~Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.~~
	+ 1. ~~Chức năng, nhiệm vụ Phòng Phục vụ mặt đất~~
1. ~~Chức năng~~

~~Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong công tác cung cấp các dịch vụ thương mại phục vụ hành khác, hàng hóa, hành lý và các dịch vụ phát sinh khác tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển giữa Tổng công ty với các hãng hàng không đối với các chuyến bay đi và đến Cảng HKQT Cát Bi.~~

1. ~~Nhiệm vụ và quyền hạn:~~
* ~~Thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ Phục vụ mặt đất, phục vụ thương mại hành khách và hàng hóa.~~
* ~~Điều phối khai thác hoạt động cung ứng các dịch vụ đảm bảo hoạt động bay tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi theo nhiệm vụ được phân công.~~
* ~~Tổ chức trực ban điều hành phối hợp 24/24 để điều hành phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong khai thác Cảng hàng không, phục vụ bay hàng ngày, báo cáo lãnh đạo Cảng HKQT Cát Bi xin ý kiến chỉ đạo giải quyết điều phối hoạt động bay của Cảng.~~
* ~~Tham gia xây dựng, triển khai và giám sát các quy định, tiêu chuẩn, mục tiêu, giải pháp quản lý chất lượng các dịch vụ tại Cảng.~~
* ~~Thực hiện cung ứng các dịch vụ đã ký hợp đồng với các đơn vị liên quan, các hãng hàng không: Dịch vụ phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu kiện, tính toán cân bằng trọng tải, tài liệu, hướng dẫn chất xếp, công tác vệ sinh tàu bay cho các chuyến bay đi và đến Cảng hàng không quốc tế Cát Bi.~~
* ~~Thống kê sản lượng vận chuyển thương mại hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi báo cáo cơ quan chức năng theo quy định; theo dõi báo cáo cơ quan chức năng về tình hình chậm trễ chuyến, hủy chuyến của các hãng hàng không.~~
* ~~Phối hợp với đại diện hãng vận chuyển thực hiện thủ tục giao, nhận tìm kiếm, xử lý các thông tin đối với hành khách, hành lý, hàng hoá theo đúng quy trình.~~
* ~~Thực hiện công tác phục vụ khách C, VIP, GLP.~~
* ~~Phối hợp với Cảng vụ khu vực miền Bắc tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi và các phòng chức năng, các cơ quan đơn vị tham gia công tác lập biên bản xác định các sự cố hoạt động bay, biên bản xử lý các vi phạm về lĩnh vực hàng không đối với những dịch vụ do đơn vị cung ứng.~~
* ~~Tổ chức xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chương trình, quy chế quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ phục vụ bay làm cơ sở cho các đơn vị liên quan thực hiện.~~
* ~~Thực hiện công tác lưu giữ hồ sơ, tài liệu về công tác, hồ sơ khai thác Cảng hàng không quốc tế Cát Bi; tài liệu khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay do đơn vị cung cấp theo quy định.~~
* ~~Xây dựng kế hoạch đào tạo huấn luyện và phối hợp triển khai thực hiện theo quy chế.~~
* ~~Xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị, công cụ lao động phục vụ công tác của phòng.~~
* ~~Tham gia thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, văn hoá, văn nghệ, thể thao của đơn vị và công tác xã hội tại địa phương.~~
* ~~Tham gia công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, tìm kiếm cứu nạn hàng không, phòng cháy chữa cháy và khẩn nguy sân bay.~~
* ~~Tham gia xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa tài liệu quản lý chất lượng của Cảng hàng không theo tiêu chuẩn ISO; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và nghiên cứu cải tiến chất lượng dịch vụ do Cảng hàng không quốc tế Cát Bi cung ứng.~~
* ~~Quản lý tài sản, trang thiết bị được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty và đơn vị.~~
* ~~Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.~~
* ~~Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc phân công.~~
	+ 1. ~~Chức năng, nhiệm vụ Phòng Điều hành sân bay~~
1. ~~Chức năng:~~
* ~~Tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động khai thác cảng; phối hợp bảo đảm hoạt động bay; bảo đảm an toàn hàng không; bảo đảm chất lượng cung ứng các dịch vụ; khẩn nguy cứu nạn hàng không; PCCC; phòng chống lụt bão, thiên tai; Y tế khẩn nguy, Y tế cơ quan, vệ sinh an toàn lao động; vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi trách nhiệm của Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Tổ chức, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong công tác khai thác cảng; bảo đảm hoạt động bay; bảo đảm an toàn hàng không; bảo đảm chất lượng cung ứng các dịch vụ; khẩn nguy cứu nạn hàng không; PCCC; phòng chống lụt bão, thiên tai; Y tế khẩn nguy, Y tế cơ quan; vệ sinh an toàn lao động; vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi trách nhiệm của Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ban giám đốc về các lĩnh vực công tác nêu trên.~~
1. ~~Nhiệm vụ và quyền hạn:~~
* ~~Giúp trực lãnh đạo Cảng HKQT Cát Bi thực hiện công tác quản lý, điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không; công tác phối hợp đảm bảo hoạt động bay và cung ứng dịch vụ tại cảng hàng không; giải quyết các công việc hàng ngày liên quan đến công tác bảo đảm an ninh, an toàn hàng không và phục vụ bay; công tác điều hành phối hợp giữa các đơn vị thuộc Cảng hàng không quốc tế Cát Bi và giữa Cảng HKQT Cát Bi với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.~~
* ~~Tổ chức trực ban 24/24 để điều hành phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong khai thác cảng hàng không, phục vụ bay hàng ngày. Tiếp nhận, xử lý các thông tin liên quan đến hoạt động bay, hoạt động khai thác cảng hàng không, cung ứng dịch vụ, kịp thời báo cáo Trực lãnh đạo cảng, Giám đốc cảng và triển khai chỉ thị, mệnh lệnh của Giám đốc, Trực lãnh đạo đến các đơn vị liên quan để giải quyết, xử lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ.~~
* ~~Là bộ phận thường trực của Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy Cảng hàng không; tổ chức trực Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy cảng hàng không 24/24 để tiếp nhận, xử lý các thông tin/báo cáo liên quan đến các tình huống khẩn nguy cứu nạn, khẩn nguy can thiệp bất hợp pháp, PCCC… kịp thời báo cáo lãnh đạo trực khẩn nguy, truyền thông tin đến các đầu mối liên quan để triển khai thực hiện các phương án đối phó ban đầu và thực hiện nhiệm vụ theo mệnh lệnh của lãnh đạo trực khẩn nguy/Thành viên ban chỉ huy khẩn nguy Cảng hàng không. Đề xuất đầu tư, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ trang bị cho trung tâm hiệp đồng khẩn nguy Cảng hàng không và tổ chức quản lý, duy trì đảm bảo hoạt động bình thường theo quy định.~~
* ~~Triển khai và tổ chức vận hành Hệ thống quản lý an toàn SMS theo quy định; thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất công tác bảo đảm an toàn hàng không đối với mọi tổ chức và cá nhân hoạt động trên địa bàn cảng, chủ động khắc phục hoặc đề xuất biện pháp khắc phục các khuyến cáo, khiếm khuyết về công tác an toàn sau kiểm tra.~~
* ~~Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật, của Tổng công ty và Cảng HKQT Cát Bi trong lĩnh vực bảo đảm khai thác, bảo đảm an toàn hàng không, bảo đảm chất lượng dịch vụ; khẩn nguy cứu nạn, phòng chống cháy nổ, thiên tai, lụt bão, dịch bệnh tại Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Phối hợp với các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, ngăn chặn các hành vi vi phạm, hoặc đưa ra các khuyến cáo, yêu cầu xử lý nhằm đảm bảo an toàn hàng không, hoạt động khai thác cảng hàng không, chất lượng dịch vụ và hình ảnh, uy tín của Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Tham gia phối hợp với các đơn vị trực thuộc Cảng HKQT Cát Bi trong việc kiểm tra, đánh giá, xác định nguyên nhân ban đầu, xử lý ngay và tổ chức rút kinh nghiệm (nếu cần) đối với các sự cố, vụ việc xảy ra trên địa bàn cảng hàng không thuộc phạm vi trách nhiệm, quản lý của Cảng HKQT Cát Bi; báo cáo ngay cho Giám đốc.~~
* ~~Xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện các phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; khẩn nguy cứu nạn; PCCC, phòng chống lụt bão, thiên tai thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng HKQT Cát Bi;~~
* ~~Thực hiện nhiệm vụ y tế khẩn nguy theo kế hoạch khẩn nguy hàng không; cung cấp dịch vụ y tế cứu thương hàng không, vận chuyển cấp cứu. Phối hợp với các đơn vị y tế chức năng khi có yêu cầu.~~
* ~~Tham gia lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện chuyên ngành y tế khẩn nguy. Tham gia phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB – CNV Cảng HKQT Cát Bi. Tham gia phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức diệt côn trùng, phòng chống dịch bệnh tại Cảng. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn lao động; vệ sinh môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh của mọi đơn vị, cá nhân hoạt động trên địa bàn Cảng.~~
* ~~Xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện các phương án chữa cháy khi có tình huống khẩn nguy cứu nạn, tàu bay lâm nạn, sự cố cháy nổ tại cảng hàng không, thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng HKQT Cát Bi. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho các đơn vị hoạt động tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi. Chỉ huy điều hành các lực lượng PCCC của các đơn vị hoạt động trên địa bàn cảng khi phối hợp tham gia chữa cháy. Thực hiện cung ứng các dịch vụ PCCC theo yêu cầu của các hãng hàng không. Chủ trì, phối hợp tổ chức công tác kiểm tra an toàn PCCC thường xuyên và định kỳ tại cảng theo quy định.~~
* ~~Chủ trì việc lập, kiểm soát, điều phối kế hoạch bay, vị trí đỗ tàu bay, bảo đảm phục vụ tốt các chuyến bay hàng ngày đi/đến qua Cảng HKQT Cát Bi.~~
* ~~Thực hiện thiết lập hệ thống hồ sơ, tài liệu, sổ sách ghi chép, lưu trữ thông tin, diễn biến sự cố, vụ việc về lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng không; bảo đảm chất lượng dịch vụ; điều phối hoạt động cung ứng các dịch vụ đảm bảo hoạt động bay; phòng cháy chữa cháy và khẩn nguy cứu nạn; phòng chống thiên tai; Y tế cơ quan, Y tế khẩn nguy cứu nạn, vệ sinh an toàn lao động; vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh.~~
* ~~Trực tiếp phối hợp với Đại diện Cảng vụ hàng không miền Bắc tại Cảng HKQT Cát Bi trong việc lập hồ sơ ban đầu các vụ việc liên quan đến công tác bảo đảm an toàn hàng không; bảo đảm chất lượng dịch vụ….~~
* ~~Cập nhật; duy trì; triển khai; lưu trữ hệ thống các văn bản pháp luật, các văn bản, chỉ thị liên quan của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng công ty và Cảng HKQT Cát Bi theo quy định.~~
* ~~Quản lý; sử dụng tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác được giao theo đúng các quy định hiện hành.~~
* ~~Chấp hành chế độ báo cáo theo quy định.~~
* ~~Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Cảng giao.~~

## Hệ thống quản lý an toàn

Tài liệu hệ thống quản lý an toàn được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1B - Hệ thống quản lý an toàn Cảng HKQT Cát Bi.